UỶ BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CỔ PHIẾU. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG

(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100233583 do Sở kế hoạch và Đầu tư TP.Hà Nội cấp cho đăng ký lần đầu ngày 08/09/1993, thay đổi lần thứ 18 ngày 14/09/2010)

VPBank
Ngân Hàng Việt Nam Thịnh Vượng

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 740/UBCK-GCN do Chủ tịch Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 26 tháng 11 năm 2010)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG (VPBANK)
Trụ sở: Số 8 – Phố Lê Thái Tổ - Quận Hoàn Kiếm – TP Hà Nội
Điện thoại: 0439.288.869 Fax : 0439.288.867

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG (VPBS)
Trụ sở: Số 362– Phố Huế - Quận Hai Bà Trưng – TP Hà Nội
Điện thoại: 0439.743.655 Fax: 0439.743.656

Phụ trách công bố thông tin:
Ông: Nguyễn Hưng
Chức vụ: Tổng giám đốc
Địa chỉ: Số 8 – Phố Lê Thái Tổ - Quận Hoàn Kiếm – TP Hà Nội
Điện thoại: 0439.288.869 Fax: 0439.288.867

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG

(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100233583 do Sở kế hoạch và Đầu tư TP.Hà Nội cấp cho đăng ký lần đầu ngày 08/09/1993, thay đổi lần thứ 18 ngày 14/09/2010)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Tên cổ phiếu:	**NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG**
Mệnh giá:	10.000 đồng/cổ phiếu.
Tổng số lượng chào bán:	154.347.115 (Một trăm năm mươi tư triệu, ba trăm bốn mươi bảy nghìn, một trăm mười lăm) cổ phần.
Tổng giá trị chào bán:	1.543.471.150.000 (Một nghin năm trăm bốn mươi ba tỷ, bốn trăm bảy mươi mốt triệu, một trăm năm mươi nghìn) đồng.
Giá bán:	Phát hành thêm tăng vốn chào bán cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 1: 0,6283 với giá bán 14.000 đồng/cổ phiếu.

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN KPMG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 16, Số 83B Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 043.946.1600 **Fax:** 043.946.1601

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN ERNST & YOUNG

Địa chỉ: Tầng 15, Toà nhà 360 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 043.831.5100 **Fax:** 043.831.5090

TỔ CHỨC TƯ VẤN:

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG

Địa chỉ: Số 362 Phố Huế, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: 043.974.3655 **Fax:** 043.974.3656

MỤC LỤC

NỘI DUNG **4**
I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO **4**
1. Rủi ro về lãi suất 4
2. Rủi ro về tín dụng 4
3. Rủi ro về ngoại hối 5
4. Rủi ro về thanh khoản 5
5. Rủi ro từ các hoạt động ngoại bảng 6
6. Rủi ro về luật pháp 6
7. Rủi ro của đợt chào bán 7
8. Rủi ro về pha loãng cổ phiếu 7
9. Rủi ro không thu được tiền từ đợt phát hành 8
10. Rủi ro sử dụng vốn 8
11. Rủi ro bất khả kháng 8
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI BẢN CÁO BẠCH **9**
1. Tổ chức phát hành 9
2. Tổ chức tư vấn 9
III. CÁC KHÁI NIỆM **10**
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH **12**
1. Tóm tắt hình thành và phát triển 12
2. Cơ cấu tổ chức của Ngân hàng 15
3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Ngân hàng 18
4. Danh sách những Công ty con của VPBank 18
5. Hoạt động kinh doanh 19
6. Quản lý rủi ro và bảo toàn vốn 27
7. Thị trường hoạt động 32
8. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 35
9. Vị thế của VPBank so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành 41
10. Chính sách đối với người lao động 44
11. Chính sách cổ tức 46
12. Tình hình tài chính 46
13. Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng 47
14. Tài sản 63
15. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo 65
16. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức 66
17. Thông tin về cam kết nhưng chưa thực hiện được của tổ chức phát hành 67
18. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng 68
V. CỔ PHIẾU CHÀO BÁN **69**
VI. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN **72**
VII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN **73**
PHỤ LỤC **76**

NỘI DUNG

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về lãi suất

Rủi ro về lãi suất xảy ra khi có sự chênh lệch về kỳ hạn, tính thanh khoản giữa vốn huy động và việc sử dụng vốn huy động của ngân hàng để cho vay trong điều kiện lãi suất thị trường thay đổi ngoài dự kiến. Năm 2009 cũng là năm NHNN có điều chỉnh về chính sách tiền tệ như lãi suất cơ bản tăng từ 7%/năm lên 8%/năm, lãi suất chiết khấu tăng từ 5%/năm lên 6%/năm. Những điều chỉnh này là cần thiết để góp phần kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, nhưng cũng khiến cho rủi ro lãi suất của các NHTM tăng cao. Thêm nữa việc tỷ lệ dự trữ bắt buộc bằng VNĐ với tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn trong quyết định số 379 QĐ-NHNN ngày 24/2/2009 được điều chỉnh hạ xuống các mức 1% và 3% ảnh hưởng ngay tới cơ cấu và khả năng huy động vốn bằng lãi suất cho vay của NHTM. Những thay đổi chính sách vĩ mô hoàn toàn có thể dẫn tới khả năng mất chủ động của ngân hàng trong việc đối phó với rủi ro bởi những thay đổi của lãi suất trên thị trường và làm giảm thu nhập của ngân hàng so với dự tính ban đầu.

Để phòng tránh loại rủi ro này,VPBank đã chủ động áp dụng chính sách lãi suất linh hoạt theo tín hiệu của thị trường, thu hẹp chênh lệch kỳ hạn bình quân giữa tài sản có và tài sản nợ, đồng thời có thể sử dụng có chọn lọc các sản phẩm phái sinh. VPBank một mặt vẫn tăng cường huy động vốn, mở rộng các nguồn tín dụng có hiệu quả, mặt khác vẫn có biện pháp đảm bảo cân đối giữa nguồn vốn và sử dụng vốn; kiểm soát chặt chẽ quy mô, cơ cấu tín dụng ngắn hạn, trung và dài hạn bằng VNĐ và ngoại tệ phù hợp với khả năng, kỳ hạn và cơ cấu vốn huy động. Ngoài ra, Hội đồng Quản lý tài sản nợ - tài sản có của VPBank đã sử dụng các mô hình tài chính và công cụ khác nhau để giám sát và quản lý rủi ro lãi suất. Báo cáo về thị trường trong nước và quốc tế được Ủy ban Quản lý rủi ro lập định kỳ để đưa ra những nhận định về diễn biến, xu hướng biến đổi của lãi suất trên thị trường cho các cuộc họp hàng tháng của Hội đồng ALCO. VPBank trên cơ sở phân tích diễn biến của thị trường sẽ quyết định duy trì các mức lãi suất chênh lệch thích hợp trong hoạt động huy động vốn và hoạt động cho vay để định hướng cho các hoạt động của mình. Một chiến lược khác của VPBank là phát triển các dịch vụ tiện ích, các hình thức thanh toán hiện đại để thu hút khách hàng mở tài khoản, thanh toán không dùng tiền mặt nhằm nâng cao chất lượng phục vụ và tăng cường khả năng cạnh tranh trong bối cảnh nhiều biến động về lãi suất trên thị trường.

2. Rủi ro về tín dụng

Rủi ro tín dụng là loại rủi ro dẫn đến tổn thất tài sản của ngân hàng trong trường hợp khách hàng được cấp tín dụng không có khả năng thực hiện một phần hoặc toàn bộ những cam kết đã nêu tại Hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng. Rủi ro tín dụng được coi là rủi ro lớn nhất đối với các ngân hàng thương mại Việt Nam nói chung và VPBank nói riêng bởi các hoạt động tín dụng là hoạt động chủ yếu của các ngân hàng thương mại Việt Nam. Hiện tại, hoạt động tín dụng thường chiếm từ 40 - 60% tổng tài sản của một ngân hàng thương mại và mang lại 60 - 80% thu nhập cho ngân hàng. Rủi ro tín dụng còn là loại rủi ro không thể tránh

khỏi trong ngành ngân hàng, có thể đề phòng, hạn chế, chứ không thể loại trừ. Do vậy, việc tìm ra các giải pháp nhằm hạn chế rủi ro tín dụng luôn trở thành vấn đề mang tính sống còn, là mối quan tâm hàng đầu của bất kỳ ngân hàng nào. Ảnh hưởng từ cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu năm 2008 – 2009 với ngành ngân hàng là không nhỏ, đồng thời với tình trạng đóng băng của thị trường bất động sản, nhiều ngân hàng thương mại tại Việt Nam phải đối mặt với khả năng rủi ro tín dụng cao, tỷ lệ nợ xấu và nợ quá hạn tăng cao hơn so với những năm trước mặc dù đã thiết lập các chính sách và thủ tục quản lý rủi ro chặt chẽ. Trường hợp môi trường kinh tế có khó khăn và kéo dài như hoàn cảnh hiện tại thì sẽ có ảnh hưởng nhất định đến chất lượng tín dụng, đặc biệt đối với các khách hàng hoạt động trong lĩnh vực nhạy cảm với sự thay đổi của thị trường.

Để đối phó với các rủi ro tín dụng, VPBank đã áp dụng nhiều biện pháp khác nhau. Trước hết, VPBank cố gắng xây dựng, hoàn thiện và cập nhật chính sách, quy trình tín dụng bao gồm cơ chế quản lý, phân cấp và ủy quyền, hệ thống giới hạn tín dụng, mở rộng hệ thống cho vay đảm bảo. Tiếp theo, VPBank tiếp tục nâng cao chất lượng công tác thẩm định năng lực chủ đầu tư, thẩm định dự án vay vốn, tăng cường kiểm tra giám sát, quản lý vay nợ, nhất là khi khách hàng sử dụng vốn sai mục đích. Bản thân VPBank cũng tự hoàn thiện và nâng cao hiệu quả của công tác kiểm tra nội bộ, tránh tình trạng cho vay theo thành tích. VPBank còn tiếp tục đa dạng hóa chế độ cho vay tín dụng theo ngành với đối tượng khách hàng khác nhau để giảm thiểu rủi ro. Ngân hàng cũng tính toán để trích lập quỹ dự phòng rủi ro tín dụng theo quy định hiện hành.

3. Rủi ro về ngoại hối

Rủi ro về ngoại hối phát sinh khi có sự chênh lệch về kỳ hạn và giá trị của các loại tiền tệ mà các khoản ngoại hối nắm giữ, và vì thế có thể làm cho ngân hàng phải gánh chịu thua lỗ khi tỷ giá ngoại hối biến động.

Giải pháp chiến lược của VPBank đối với những rủi ro về ngoài hối là điều chỉnh các khoản cho vay và huy động vốn ngoại tệ một cách sáng suốt, tỉnh táo có kết hợp với việc nghiên cứu sự biến động của thị trường trong nước và quốc tế. Trong trường hợp thị trường có những biến động bất ngờ ngoài dự đoán, ngân hàng VPBank sẽ áp dụng các biện pháp phòng ngừa rủi ro cụ thể bằng các giao dịch ở thị trường tiền tệ, thị trường vốn và các giao dịch có kỳ hạn bằng các công cụ tài chính phòng ngừa rủi ro (Futures, Swaps, Options). Đối với các giao dịch cụ thể, VPBank còn sử dụng nghiệp vụ mua bán ngoại tệ để kiểm soát rủi ro ngoại hối của mình. Các biện pháp này được áp dụng rất linh động, nhạy bén và có một vai trò rất lớn bởi vì nó có thể giúp cho nhà quản lý giải quyết tình thế ngoại hối của mình trong một khoảng thời gian rất ngắn. Cuối cùng, VPBank luôn hướng tới xây dựng một đội ngũ cán bộ có chuyên môn cao, có khả năng phân tích và dự báo tình hình biến động tỷ giá của các loại đồng tiền để đưa ra quyết định kịp thời trong việc mua, bán các hợp đồng ngoại tệ, duy trì một tỷ lệ cân xứng giữa tài sản nợ và tài sản có ngoại tệ, duy trì trạng thái ngoại hối ròng ở mức hợp lý.

4. Rủi ro về thanh khoản

Rủi ro về thanh khoản phát sinh chủ yếu từ xu hướng của các ngân hàng là huy động ngắn hạn và cho vay trung, dài hạn. Khi trường hợp này xảy ra, các khoản huy động về mặt kỹ thuật sẽ

phải hoàn trả theo yêu cầu của người gửi tiền. Đặc biệt trong giai đoạn khủng hoảng thì người gửi tiền sẽ rút tiền ra nhanh hơn việc người đi vay sẵn sàng trả nợ. Do vậy, rủi ro thanh khoản là rất thực tế và thường trực trong hoạt động kinh doanh ngân hàng.

VPBank dựa trên cơ sở dữ liệu quá khứ và định hướng hoạt động để xem xét và tính toán chính xác nhu cầu thanh khoản ở từng thời điểm nhằm thực hiện dự trữ hợp lý, hạn chế lãng phí vốn, tăng lợi nhuận hoạt động, xây dựng danh mục đầu tư hợp lý. VPBank có cơ chế quản lý tài sản hiệu quả, cơ chế điều hành công khai, minh bạch và ổn định, tránh tạo ra những cú sốc rút tiền ào ạt. Bên cạnh đó, công tác dự báo nhu cầu rút tiền của khách hàng trong từng thời kỳ là rất quan trọng để có thể chủ động thu xếp nguồn vốn chi trả theo yêu cầu.

5. Rủi ro từ các hoạt động ngoại bảng

Các hoạt động ngoại bảng mang đến rủi ro của VPBank chủ yếu bao gồm các khoản cam kết cho vay và các hình thức bảo lãnh. VPBank dùng uy tín của mình để bảo đảm cho các giao dịch của khách hàng được phục vụ thuận lợi và thông suốt, đáp ứng các nhu cầu phát sinh của nhiều loại khách hàng. Do đó, các giao dịch cam kết và bảo lãnh nếu không được thực hiện một cách kịp thời và hiệu quả bởi các bên tham gia sẽ là nguồn phát sinh rủi ro, và trực tiếp tới VPBank ở vị trí của nhà bảo lãnh. Điều này có thể gây ra những tổn thất không nhỏ cho ngân hàng. VPBank đã và đang thực hiện chính sách bảo lãnh thận trọng trong đó phần lớn các khoản bảo lãnh đều có tài sản thế chấp. Hội đồng tín dụng có chức năng quyết định các hạn mức bảo lãnh cấp cho các cá nhân và doanh nghiệp trên cơ sở được thẩm định chặt chẽ và được xem xét như là một khoản cho vay.

6. Rủi ro về luật pháp

Lĩnh vực tài chính, tiền tệ là một lĩnh vực nhạy cảm, chịu sự điều chỉnh bởi nhiều văn bản pháp luật và có quan hệ và ảnh hưởng sâu rộng đến bản thân các ngân hàng và đến nhiều đối tượng khách hàng, tầng lớp trong xã hội. Trong khi đó, Việt Nam đang trong quá trình mở cửa và hội nhập với nền kinh tế giới cho nên hệ thống văn bản pháp luật của Nhà nước không ngừng được chỉnh sửa, bổ sung, ban hành mới để hoàn thiện cho phù hợp với thông lệ quốc tế và cam kết của Việt Nam. Việc áp dụng không kịp thời, không chính xác các văn bản pháp luật điều chỉnh sẽ dẫn đến rủi ro về mặt luật pháp đối với hoạt động ngân hàng.

Để thích nghi trong môi trường pháp lý ở Việt Nam, VPBank luôn chủ động trong việc cập nhật và hệ thống các văn bản pháp luật, tập huấn để phổ biến các văn bản, chế độ, chính sách mới của Nhà nước và của Ngân hàng tới toàn thể các cán bộ. Bên cạnh đó, VPBank cũng luôn chủ động trong việc đóng góp xây dựng ý kiến đối với các dự thảo văn bản pháp luật, chủ động kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền sửa đổi những bất cập, mâu thuẫn, chồng chéo trong văn bản pháp luật. Ngoài ra, trong từng mảng nghiệp vụ, VPBank đều ban hành các quy chế, quy trình nghiệp vụ và các mẫu biểu hướng dẫn cụ thể nhằm đảm bảo tính thống nhất và tuân thủ cao. Đội ngũ cán bộ pháp chế luôn được tăng cường để đảm bảo tư vấn kịp thời cho mọi hoạt động của các phòng ban, chi nhánh. Hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ có cơ cấu tổ chức từ Hội sở chính đến từng chi nhánh và điểm giao dịch.

7. Rủi ro của đợt chào bán

Quá trình tổ chức chào bán cổ phiếu cũng như sau khi đợt chào bán kết thúc luôn tiềm ẩn những rủi ro nhất định như số lượng chứng khoán chào bán không đạt được như mục tiêu đề ra của phương án phát hành hoặc VPBank không thu được số tiền như đã dự kiến, ảnh hưởng đến việc thực hiện kế hoạch mở rộng huy động vốn của Ngân hàng. Thêm nữa, khi phát hành thêm cổ phiếu thì ngân hàng còn phải tính thêm đến rủi ro pha loãng với khả năng số lượng cổ phiếu lưu hành tăng trong khi lợi nhuận vẫn giữ nguyên, nghĩa là thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phiếu (EPS) giảm đi.

Trong bất kỳ một đợt chào bán nào, khả năng rủi ro nêu trên đều có thể xảy ra. Tuy nhiên, VPBank với một chiến lược định hướng phát triển ổn định, năng lực tài chính vững mạnh, có bề dày uy tín và thương hiệu đã đựoc khẳng định nên cổ phiếu VPBank luôn có sức hấp dẫn trên thị trường và là sự lựa chọn đầu tư ưu tiên đối với nhà đầu tư trong và ngoài nước. Thêm vào đó, tình hình kinh tế vĩ mô nói chung và thị trường chứng khoán nói riêng được đánh giá là đã bước qua đáy của đợt khủng hoảng để vào giai đoạn phục hồi. Tín hiệu tích cực từ nền kinh tế sẽ tạo nên niềm tin của nhà đầu tư vào sự phát triển của VPBank trong thời gian tới.

8. Rủi ro về pha loãng cổ phiếu

Hiện tại cổ phiếu của VPBank là cổ phiếu đang giao dịch tự do trên thị trường OTC, chưa niêm yết, đăng ký giao dịch tập trung tại các Sở Giao dịch Chứng khoán. Tuy nhiên, việc VPBank phát hành thêm 154.347.115 cổ phiếu (tương ứng 62,83% số lượng cổ phiếu đang lưu hành) sẽ dẫn đến rủi ro cổ phiếu VPBank bị pha loãng nếu giá phát hành thêm thấp hơn giá đang giao dịch trên thị trường. Cụ thể như sau:

Tổng số cổ phiếu lưu hành hiện tại:	245.652.885 cổ phiếu
Tổng số cổ phiếu phát hành:	154.347.115 cổ phiếu
Tổng số cổ phiếu lưu hành sau đó:	400.000.000 cổ phiếu
Giá phát hành:	14.000 đồng

Điều chỉnh kỹ thuật giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền:

Giá tham chiếu cho ngày giao dịch không hưởng quyền của VPBank trên thị trường (P_{tc}) sẽ được điều chỉnh kỹ thuật nhằm phản ánh số lượng cổ phiếu tăng lên, được xác định theo công thức sau: $P_{tc} = [P_0 + (I \times PR)]/(1 + I)$

Trong đó:

P_{tc}: Giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền

PR_{t-1} : Giá thị trường của cổ phiếu trước ngày giao dịch không hưởng quyền

I: Tỷ lệ tăng vốn (tỷ lệ cổ phiếu phát hành thêm trên số lượng cổ phiếu ban đầu)

PR: Giá phát hành cổ phiếu

Cụ thể giá tham chiếu có thể được tham khảo trên các cơ sở sau:

Giá của cổ phiếu VPBank trên sàn OTC là tương đối ổn định trong thời gian qua ở mức PR_{t-1} = 15.000 VNĐ/cổ phiếu.

I = 62,83%
PR = 14.000 VNĐ/cổ phiếu
P_{tc} = (15.000 + 62,83% x 14.000)/(1+ 62,83%) = 14.614 VNĐ/cổ phiếu

Như vậy, việc phát hành thêm cổ phiếu với giá phát hành thêm không quá thấp so với giá thị trường thì điều này sẽ không gây biến động quá lớn đối với giá cổ phiếu của ngân hàng. Ngoài ra, khi có dòng tiền bổ sung vào nguồn vốn thì sẽ làm tăng thêm sức mạnh của ngân hàng, tạo đà cho việc kinh doanh hiệu quả. Do đó, lợi nhuận ngân hàng có thể tăng làm mức P/E trở nên hấp dẫn hơn với nhà đầu tư. Tuy nhiên, nếu ngay sau khi phát hành dòng tiền mới về chưa tạo ra lợi nhuận thì EPS sẽ bị pha loãng, cụ thể như sau:

	Trước pha loãng	Sau pha loãng	Đơn vị
Lợi nhuận dự kiến năm 2010	487,5	487,5	Tỷ VNĐ
Số lượng cổ phiếu bình quân	221.779.731	230.237.107	cổ phiếu
EPS	2.198	2.117	VNĐ/cổ phiếu

9. Rủi ro không thu được tiền từ đợt phát hành

Trong một đợt phát hành thì có thể xảy ra rủi ro khi số tiền thu từ đợt phát hành không thể đạt được như dự kiến, ảnh hưởng đến kế hoạch tăng vốn của ngân hàng. Tuy nhiên, VPBank là một thương hiệu uy tín đã được khẳng định qua thời gian bởi năng lực và mức độ chuyên nghiệp cho các cổ đông hiện hữu. Hơn nữa, dự kiến mức độ rủi ro này không cao bởi vì tỷ lệ cổ phần phát hành thêm trên vốn điều lệ không quá lớn, và cổ phiếu phát hành thêm được chào bán cho cổ đông hiện hữu với mức giá đảm bảo được quyền lợi của các đối tượng liên quan.

10. Rủi ro sử dụng vốn

Để vươn đến mục tiêu là một ngân hàng TMCP hàng đầu của Việt Nam, VPBank đã xây dựng một chiến lược bài bản và thận trọng. Tương ứng với chiến lược này là một lộ trình tăng vốn bài bản và chi tiết. Toàn bộ số lượng tiền thu được từ đợt phát hành sẽ được sử dụng để nâng cấp và mở rộng kinh doanh, đầu tư nâng cấp công nghệ và đặc biệt là để nâng cao hệ số an toàn vốn của VPBank (CAR). Đợt nâng vốn lần này hoàn toàn nằm trong lộ trình tăng vốn của VPBank nhằm thực hiện chiến lược phát triển dài hạn.

11. Rủi ro bất khả kháng

Ngoài các rủi ro nên trên, những rủi ro khác mang tính bất khả kháng cũng có thể ảnh hưởng đến hoạt động của VPBank như: thiên tai, địch họa, dịch bệnh hiểm nghèo, chiến tranh, khủng bố… Những rủi ro này tạo tâm lý bất an, gây thiệt hại, ảnh hưởng đến thu nhập của các cá nhân, tổ chức là khách hàng của VPBank. Do vậy, rủi ro này tùy theo từng thời điểm có thể gây những ảnh hưởng cục bộ, theo từng lĩnh vực nhất định. Để hạn chế các rủi ro này, VPBank áp dụng nhiều chính sách đồng bộ như cho vay phân tán, chủ động mua bảo hiểm…, đồng thời yêu cầu khách hàng tùy theo lĩnh vực kinh doanh phải mua các bảo hiểm liên quan để dự phòng các sự cố không may xảy ra.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức phát hành

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank)

Ông Ngô Chí Dũng	Chức vụ: Chủ tịch HĐQT
Bà Nguyễn Quỳnh Anh	Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát
Ông Nguyễn Hưng	Chức vụ: Tổng Giám đốc
Ông Vũ Minh Quỳnh	Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin trong Bản Công bố Thông tin này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn

Công ty TNHH Chứng Khoán Ngân Hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng (Công ty Chứng khoán Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng - VPBS)

Ông Nguyễn Lâm Dũng	Chức vụ: Tổng Giám đốc

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán do Công ty Chứng khoán Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM

Những từ hoặc nhóm từ viết tắt trong Bản cáo bạch này có nội dung như sau:

VPBank	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng
VPBS	Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
TMCP	Thương mại cổ phần
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
HĐQT	Hội đồng quản trị
BKS	Ban Kiểm soát
BĐH	Ban Điều hành
ALCO	Asset Liability Management Committee: Hội đồng quản lý tài sản nợ - Tài sản có
ATM	Automated Teller Machine : Máy rút tiền tự động
L/C	Letter of Credit : Tín dụng thư
LNST	Lợi nhuận sau thuế
LNTT	Lợi nhuận trước thuế
NHNN	Ngân hàng nhà nước
NHTM	Ngân hàng thương mại
OCBC	Oversea Chinese Banking Corporation
WTO	World Trade Organization: Tổ chức Thương mại Quốc tế
VNĐ	Việt Nam Đồng
USD	United States Dollar - Đô la Mỹ

Trong Bản cáo bạch này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

"Điều lệ": Điều lệ của VPBank đã được Đại hội đồng cổ đông của VPBank thông qua và được đăng ký tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

"Vốn điều lệ": Số vốn do tất cả cổ đông góp và được ghi vào Điều lệ của VPBank.

"Cổ phần": Vốn điều lệ được chia làm nhiều phần bằng nhau.

"Cổ phiếu": Chứng chỉ do VPBank phát hành xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của VPBank.

"Cổ tức": là số tiền hàng năm được trích từ lợi nhuận của VPBank để trả cho mỗi cổ phần.

"Cổ đông": Tổ chức hoặc cá nhân sở hữu một hoặc một số cổ phần của VPBank và đăng ký trong Sổ đăng ký Cổ đông của VPBank với tư cách một người nắm giữ (các) cổ phần.

"Ban điều hành" bao gồm Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc

"Người có liên quan" là tổ chức, cá nhân có quan hệ với một tổ chức, cá nhân khác nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Công ty mẹ với công ty con và ngược lại; ngân hàng với công ty trực thuộc của ngân hàng và ngược lại; các công ty có cùng công ty mẹ với nhau; các công ty trực thuộc của cùng ngân hàng với nhau;

b) Công ty đối với người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát của công ty đó hoặc người, tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm những người đó và ngược lại;

c) Công ty đối với cá nhân sở hữu từ 10% vốn điều lệ trở lên tại công ty đó và ngược lại;

d) Những người có quan hệ thân thuộc với nhau, gồm: vợ, chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột;

đ) Công ty đối với người có quan hệ thân thuộc (theo quy định tại Điểm d khoản này) của người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát, thành viên góp vốn hoặc cổ đông sở hữu từ 10% vốn điều lệ trở lên của công ty đó và ngược lại;

e) Cá nhân được ủy quyền đại diện cho những người quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản này đối với người ủy quyền.

"Năm tài chính": Năm mười hai tháng tính từ 0h00 ngày 01 tháng 01 đến 24h00 ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hàng năm.

"Mức cổ phần trọng yếu" là mức cổ phần chiếm từ 5% vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của ngân hàng.

Ngoài ra, những thuật ngữ khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Luật chứng khoán, Luật các tổ chức tín dụng, Luật doanh nghiệp và các văn bản pháp luật khác liên quan

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Tóm tắt hình thành và phát triển

Ngân Hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng, mà tiền thân là Ngân hàng TMCP Các Doanh nghiệp ngoài Quốc doanh Việt Nam, được thành lập theo Giấy phép hoạt động số 0042/NH-GP của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 12 tháng 8 năm 1993 với thời gian hoạt động 99 năm. Trải qua 17 năm hoạt động, đến nay VPBank đã có tổng số 134 chi nhánh và Phòng giao dịch trên toàn quốc, gồm 1 trụ sở chính, 46 chi nhánh và phòng giao dịch tại Hà Nội; 26 chi nhánh và phòng giao dịch tại các tỉnh, thành phố khác thuộc miền Bắc (Bắc Ninh, Bắc Giang, Vĩnh Phúc, Thái Nguyên, Phú Thọ, Hải Dương, Hải Phòng, Quảng Ninh, Nam Định, Hòa Bình, Thái Bình); 26 chi nhánh và phòng giao dịch ở khu vực miền Trung (Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Huế, Đà Nẵng, Bình Định, Bình Thuận); 36 chi nhánh và phòng giao dịch tại khu vực miền Nam (TP Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Long An, Cần Thơ, Đồng Tháp, Vĩnh Long, An Giang, Kiên Giang); 550 đại lý chi trả của Trung tâm chuyển tiền nhanh VPBank - Western Union; 2 công ty trực thuộc.

VPBank tập trung vào việc đưa ra các công nghệ mới như là một nền tảng cho việc cung cấp các dịch vụ ngân hàng cho khách hàng một cách nhanh chóng, tự động, chính xác, bảo mật và hiện đại đồng thời hỗ trợ công tác quản trị rủi ro đạt hiệu quả cao nhất. Ngân hàng sử dụng phần mềm Ngân hàng lõi - Corebanking của Temenos. Đây là phần mềm được nhiều tập đoàn tài chính lớn trên thế giới sử dụng bởi tính năng ưu việt vì có khả năng phát triển các sản phẩm, là một công cụ hữu hiệu trong việc hỗ trợ kiểm soát và quản trị rủi ro tự động một cách hiệu quả khi Ngân hàng ngày càng mở rộng. VPBank là ngân hàng tiên phong trong việc phát triển dịch vụ thẻ. Hệ thống thẻ Way4 của Open Way, công nghệ thẻ chip theo chuẩn EMV, cùng hệ thống máy ATM hiện đại luôn đáp ứng tốt nhất các nhu cầu giao dịch thẻ của khách hàng.

Từ số vốn điều lệ ban đầu khi thành lập là 20 tỷ, đến ngày 14/09/2010 VPBank đã có vốn điều lệ là 2.456,5 tỷ đồng, và sẽ tăng lên mức 4.000 tỷ đồng trong năm 2010 theo kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010 phê duyệt. Với lực lượng lao động trẻ, sáng tạo, VPBank đã liên tục giành được các danh hiệu, giải thưởng uy tín trong và ngoài nước:

Năm 2005, VPBank nhận bằng khen của Thống đốc NHNN dành cho tập thể lao động xuất sắc góp phần hoàn thành nhiệm vụ ngành Ngân hàng.

Năm 2006, VPBank nhận Bằng khen của Thống đốc NHNN Việt Nam cho tập thể Cán bộ, Nhân viên VPBank về thành tích công tác xuất sắc và được Ngân hàng nhà nước xếp loại A

Năm 2007, giành chứng nhận kỷ lục Guinness Việt Nam – là ngân hàng đầu tiên phát hành thẻ chip tại Việt Nam - cho sản phẩm thẻ chip VPBank Platinum Master Card và tiếp tục được NHNN xếp loại A 2 năm liên tiếp.

Năm 2008, VPBank cũng dành được Chứng nhận Công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam và Chứng nhận Công ty cổ phần hàng đầu Việt Nam

Năm 2009, VPBank tiếp tục được NHNN xếp loại A

Nhiều năm liên tục giành Chứng nhận Ngân hàng thanh toán xuất sắc do các tổ chức uy tín nước ngoài trao tặng: Union Bank - Mỹ, The Bank of NewYork, CitiBank - Mỹ, Wachovia Bank - Mỹ, v.v.

VPBank cũng là doanh nghiệp đi đầu trong phong trào, hoạt động xã hội do Liên hiệp Thanh niên Việt Nam, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Trung Ương Hội khuyến học Việt Nam, v.v. tổ chức.

Các sự kiện đáng ghi nhớ trong quá trình phát triển VPBank từ khi được thành lập:

12/08/1993	VPBank được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp giấy phép thành lập số 0042/NH – GP
10/09/1993	VPBank chính thức đi vào hoạt động với số vốn điều lệ ban đầu hai mươi (20) tỷ đồng, được phép thực hiện các nghiệp vụ chính của ngân hàng thương mại trong chín mươi chín (99) năm.
Tháng 03/1996	VPBank tăng vốn điều lệ lên 174,9 tỷ đồng, trong đó đã chào bán thành công 20% vốn cổ phần cho 2 cổ đông nước ngoài là Dragon Financial Holding Limited và VietNam Fund.
2000 – 2004	Đây là khoảng thời gian VPBank thực hiện Đề án cải tổ toàn diện Ngân hàng về tổ chức và hoạt động, hoàn thiện hệ thống quy trình, quy chế, phát triển sản phẩm nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng.
Tháng 2/2006	Chuyển trụ sở chính về tòa nhà số 8 Lê Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, nơi trước đó đã từng được dự kiến làm địa điểm xây dựng tòa nhà "Hà Nội Vàng" nổi tiếng một thời.
21/3/2006	Ký kết thỏa thuận hợp tác chiến lược với Oversea Chinese Banking Corporation (OCBC), thông qua đó OCBC sẽ trở thành cổ đông chiến lược nước ngoài của VPBank kèm theo nhiều cam kết hỗ trợ kỹ thuật có giá trị đối với các mặt hoạt động của VPBank.
Tháng 4/2006	Mua hệ thống phần mềm ngân hàng lõi Core Banking T24 của Temenos (Thụy Sĩ). Đây là bước tiến quan trọng trong quá trình hiện đại hóa hạ tầng công nghệ của Ngân hàng.
05/07/2006	Khai trương hoạt động Công ty TNHH quản lý Nợ và khai thác Tài sản VPBank (VPBank – AMC).
25/12/2006	Khai trương hoạt động Công ty TNHH Chứng khoán VPBank.
04/07/2007	Họp báo ra mắt thẻ VPBank Platinum MasterCard.
Tháng 10/2007	Hoàn thành việc triển khai dự án phần mềm T24 Core Banking .
21/12/2007	Họp báo ra mắt thẻ VPBank MC^2 MasterCard.
31/12/2007	Nâng vốn điều lệ lên 2.000 tỷ đồng.
28/06/2008	Phát hành thẻ MasterCard E-card.
04/08/2008	NHNN chấp thuận cho VPBank bán thêm 5% cổ phần cho Oversea

	Chinese Banking Corporation (OCBC).
01/10/2008	Nâng vốn điều lệ lên 2.117 tỷ đồng.
Năm 2009	Giành Thương hiệu Chứng khoán uy tín.
Tháng 8/2010	Đổi tên thành Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng.
14/09/2010	Nâng vốn điều lệ lên 2.456,5 tỷ đồng.

2. *Cơ cấu tổ chức của Ngân hàng*

Sơ đồ tổ chức và bộ máy quản lý của Ngân hàng

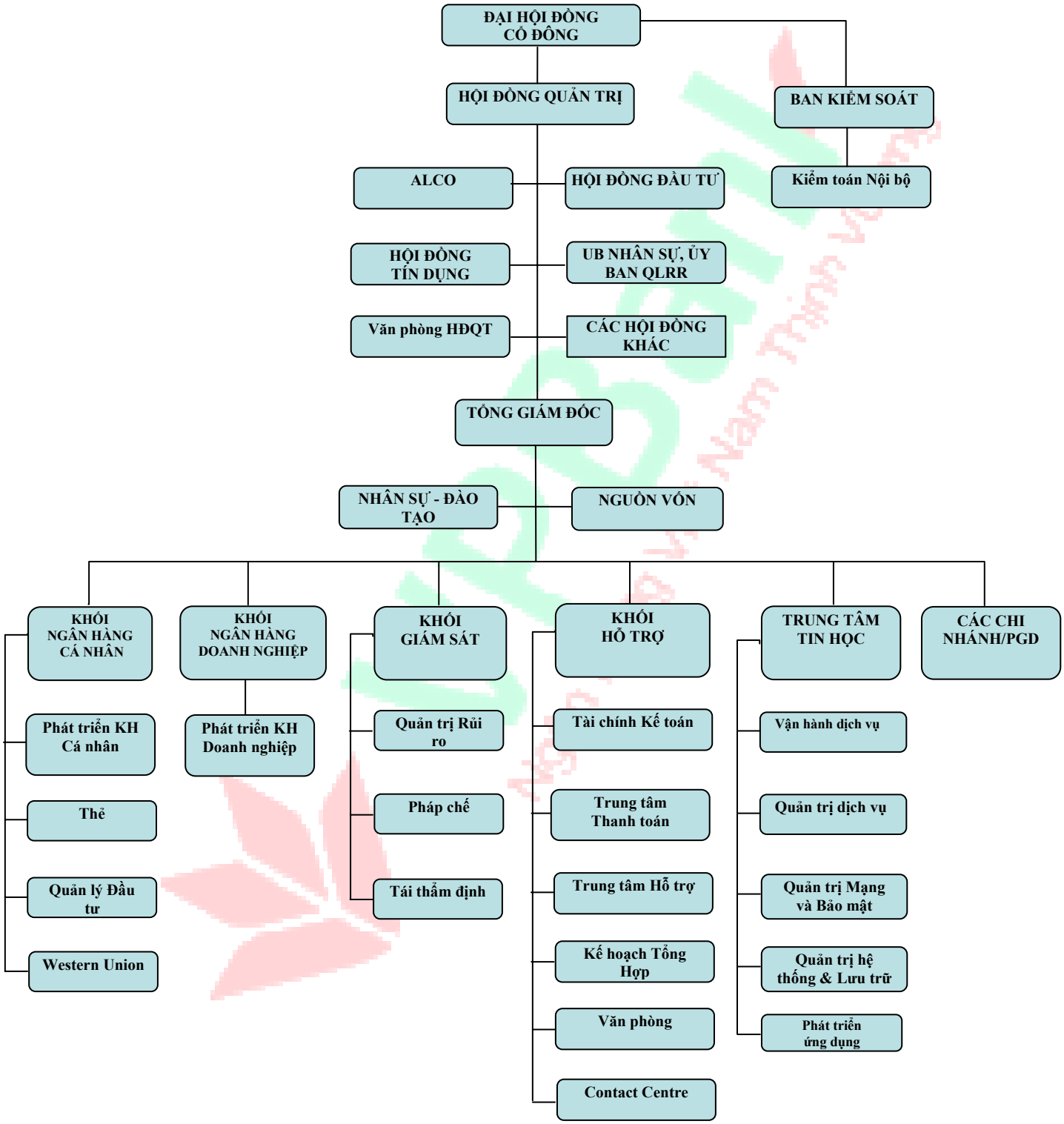

***Đại hội đồng cổ đông*:** Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của VPBank, quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được Luật pháp và Điều lệ quy định.

Hội đồng quản trị: do ĐHĐCĐ bầu ra, là cơ quan quản trị Ngân hàng, có toàn quyền nhân danh VPBank để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của VPBank, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. HĐQT giữ vai trò định hướng chiến lược, kế hoạch hoạt động hàng năm; chỉ đạo và giám sát hoạt động của Ngân hàng thông qua Ban điều hành và các Hội đồng.

Ban kiểm soát: do ĐHĐCĐ bầu ra, là cơ quan giám sát hoạt động ngân hàng nhằm đánh giá chính xác hoạt động kinh doanh, thực trạng tài chính của ngân hàng. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra hoạt động tài chính của VPBank; giám sát việc chấp hành chế độ hạch toán, kế toán; hoạt động của hệ thống kiểm tra và kiểm toán nội bộ của VPBank; thẩm định báo cáo tài chính hàng năm; báo cáo cho ĐHĐCĐ tính chính xác, trung thực, hợp pháp về báo cáo tài chính của VPBank.

Các ủy ban của Hội đồng Quản trị: Các Ủy ban là cơ quan giúp việc cho Hội đồng quản trị, có vai trò tham mưu cho Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị và thực hiện một số nhiệm vụ do Hội đồng quản trị phân công.

- ***Ủy ban nhân sự***: có các chức năng sau:

- Tham mưu cho Hội đồng quản trị về quy mô và cơ cấu Hội đồng quản trị, Người điều hành phù hợp với quy mô hoạt động và chiến lược phát triển của ngân hàng.
- Tham mưu cho Hội đồng quản trị xử lý các vấn đề về nhân sự phát sinh trong quá trình tiến hành các thủ tục bầu, bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm các chức danh thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và Người điều hành ngân hàng theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ ngân hàng.
- Nghiên cứu, tham mưu cho Hội đồng quản trị trong việc ban hành các quy định nội bộ của ngân hàng thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị về chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng, quy chế tuyển chọn nhân sự, đào tạo và các chính sách đãi ngộ khác đối với Người điều hành, các cán bộ, nhân viên của ngân hàng.

- ***Ủy ban quản trị rủi ro***: có các chức năng sau:

- Tham mưu cho Hội đồng quản trị trong việc ban hành các quy trình, chính sách thuộc thẩm quyền của mình liên quan đến quản trị rủi ro trong hoạt động ngân hàng theo quy định của pháp luật và Điều lệ ngân hàng.
- Phân tích, đưa ra những cảnh báo về mức độ an toàn của ngân hàng trước những nguy cơ, tiềm ẩn rủi ro có thể ảnh hưởng và biện pháp phòng ngừa đối với các rủi ro này trong ngắn hạn cũng như dài hạn.
- Xem xét, đánh giá tính phù hợp và hiệu quả của các quy trình, chính sách quản trị rủi ro hiện hành của ngân hàng để đưa các khuyến nghị, đề xuất đối với Hội đồng quản trị về những yêu cầu cần thay đổi quy trình, chính sách hiện hành, chiến lược hoạt động.

- Tham mưu cho Hội đồng quản trị trong việc quyết định phê duyệt các khoản đầu tư, các giao dịch có liên quan, chính sách quản trị và phương án xử lý rủi ro trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ do Hội đồng quản trị giao.

Các Hội đồng: Do HĐQT thành lập, làm tham mưu cho HĐQT trong việc quản trị ngân hàng, thực hiện chiến lược, kế hoạch kinh doanh; đảm bảo sự phát triển hiệu quả, an toàn và đúng mục tiêu đã đề ra. Các hội đồng của VPBank bao gồm:

- ***Hội đồng Quản lý tài sản nợ - tài sản có (ALCO)****:* có chức năng quản lý cấu trúc bảng tổng kết tài sản của Ngân hàng, xây dựng và giám sát các chỉ tiêu tài chính, tín dụng phù hợp với chiến lược kinh doanh của Ngân hàng.
- ***Hội đồng đầu tư:*** có chức năng thẩm định các dự án đầu tư và đề xuất ý kiến cho cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư.
- ***Hội đồng tín dụng:*** quyết định về chính sách tín dụng và quản lý rủi ro tín dụng trên toàn hệ thống Ngân hàng, xét cấp tín dụng của Ngân hàng, phê duyệt hạn mức tiền gửi của Ngân hàng tại các tổ chức tín dụng khác, phê duyệt việc áp dụng biện pháp xử lý nợ và miễn giảm lãi theo Quy chế xét miễn giảm lãi.
- ***Hội đồng khen thưởng:*** quyết định sử dụng quỹ khen thưởng của VPBank để thưởng cho CBCNV VPBank hoặc những cá nhân, tập thể có sáng kiến hoặc đóng góp mang lại hiệu quả hoạt động cho VPBank
- ***Hội đồng hỗ trợ kỹ thuật:*** thay mặt HĐQT VPBank Phối hợp với các thành viên khác của đối tác chiến lược OCBC trong việc vạch ra và tổ chức thực hiện các chương trình hỗ trợ kỹ thuật trên các lĩnh vực quản lý rủi ro, dịch vụ ngân hàng bán lẻ, quản lý và kinh doanh tiền tệ, quản trị ngân hàng...

Tổng giám đốc: là người chịu trách nhiệm trước HĐQT, trước pháp luật về hoạt động hàng ngày của Ngân hàng. Giúp việc cho Tổng giám đốc là các Phó Tổng giám đốc, các Giám đốc khối, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng và bộ máy chuyên môn nghiệp vụ.

Các phòng nghiệp vụ và các trung tâm: Theo sơ đồ khối nêu trên, VPBank đã thành lập các phòng nghiệp vụ để thực hiện các chức năng kinh doanh ngân hàng và trợ giúp các chi nhánh và phòng giao dịch trên toàn hệ thống. Ngoài các phòng nghiệp vụ, VPBank có 6 trung tâm lớn là:

- ***Trung tâm thẻ*** với chức năng cung cấp các dịch vụ về thẻ cho khách hàng;
- ***Trung tâm tin học*** với chức năng quản lý tập trung hoạt động liên quan tới công nghệ thông tin của ngân hàng và các đơn vị trực thuộc;
- ***Trung tâm kiều hối và chuyển tiền nhanh*** với chức năng quản lý hoạt động kiều hối và chuyển tiền nhanh Western Union;
- ***Trung tâm thanh toán*** để phục vụ hoạt động thanh toán trong nước của VPBank và hoạt động thanh toán quốc tế;

- ***Trung tâm hỗ trợ nghiệp vụ khu vực Hà Nội*** **và** ***Trung tâm hỗ trợ nghiệp vụ khu vực Tp Hồ Chí Minh*** là nơi tập trung nghiệp vụ thẩm định tài sản, kế toán và hành chính của tất cả các chi nhánh và phòng giao dịch trên địa bàn.

3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Ngân hàng

Danh sách cổ đông sở hữu trên 5% vốn cổ phần của Ngân hàng (tại ngày 30/09/2010)

Stt	Cổ đông	Tỷ lệ cổ phần sở hữu
1	Oversea Chinese Banking Corporation Limited (OCBC)	14,88 %
2	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	9,21%

Cơ cấu cổ đông sở hữu của Ngân hàng (tại ngày 30/09/2010)

Stt	Cổ đông	Tỷ lệ cổ phần sở hữu
	Tổ chức	**51,92%**
1	- Trong nước	37,04%
	- Nước ngoài	14,48%
	Cá nhân	**48.08%**
2	- Trong nước	48,08%
	- Nước ngoài	0.00%
	Tổng cộng	**100.00%**

4. Danh sách những Công ty con của VPBank, những Công ty mà VPBank đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với VPBank

4.1 Danh sách Công ty con của VPBank:

VPBank có 2 Công ty 100% vốn của VPBank bao gồm

Đơn vị: triệu đồng

STT	Công ty	Vốn điều lệ
1	**Công ty chứng khoán Ngân hàng TMCP các doanh nghiệp ngoài quốc doanh Việt Nam - VPBS** Quyết định thành lập số 30/QĐ-UBCKNN ngày 20/12/2006 của UBCKNN Lĩnh vực hoạt động chính: Môi giới chứng khoán, Tự doanh chứng khoán, Bảo lãnh phát hành chứng khoán, Tư vấn tài chính và tư vấn đầu tư chứng khoán, Lưu ký chứng khoán Trụ sở: 362 Phố Huế, Hai Bà Trưng, Hà Nội	500.000
2	**Công ty TNHH Quản lý tài sản Ngân hàng TMCP các doanh nghiệp ngoài Quốc doanh Việt Nam – VPBANK AMC** Quyết định thành lập số 1108/QĐ-NHNN ngày 06/06/2006 của NHNN Lĩnh vực hoạt động chính: Quản lý nợ và khai thác tài sản, Bất động sản Trụ sở: 362 Phố Huế, Hai Bà Trưng, Hà Nội	20.000
	Tổng cộng	**520.000**

Nguồn: Văn phòng HĐQT VPBank

4.2 Những Công ty mà VPBank đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối:

Không có

4.3 Những Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với VPBank:

Không có

5. *Hoạt động kinh doanh*

Các chức năng hoạt động chủ yếu của VPBank bao gồm: Huy động vốn ngắn hạn, trung hạn và dài hạn theo các hình thức tiền gửi tiết kiệm, tiền gửi thanh toán, chứng chỉ tiền gửi từ các khách hàng là các tổ chức kinh tế và cá nhân; Cho vay vốn ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức kinh tế và cá nhân từ khả năng nguồn vốn của ngân hàng; Kinh doanh ngoại hối; chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và các chứng từ có giá khác; Cung cấp các dịch vụ giao dịch giữa các khách hàng và các dịch vụ ngân hàng khác theo quy định của NHNN Việt Nam.

Các sản phẩm dịch vụ chính

Sản phẩm tiền gửi:

- Tiền gửi thanh toán cá nhân và doanh nghiệp: Là loại tài khoản tiền gửi không kỳ hạn được sử dụng để thực hiện các giao dịch thanh toán qua ngân hàng, bao gồm các loại hình tiền gửi bằng VNĐ và USD. Tài khoản tiền gửi không kỳ hạn được tính lãi suất bậc thang, lãi suất sẽ tăng dần theo số dư tiền gửi bình quân hàng tháng.
- Tiền gửi có kỳ hạn: Là tài khoản tiền gửi được sử dụng với mục đích chủ yếu là hưởnglãi căn cứ vào kỳ hạn gửi tiền, gồm các loại tiền gửi bằng VNĐ và USD.
- Tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn: Là loại tài khoản được sử dụng với mục đích là gửi hoặc rút tiền mặt bất kỳ lúc nào, đồng thời nhận tiền chuyển khoản từ nơi khác chuyển đến, gồm các loại hình tiết kiệm bằng VNĐ và USD.
- Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn: Là loại tài khoản tiết kiệm sử dụng với mục đích chủ yếu là hưởng lãi căn cứ vào kỳ hạn gửi tiền, gồm các loại tiền gửi bằng VNĐ và USD.
- Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn dự thưởng: Là loại hình huy động tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn, khách hàng vừa được hưởng lãi, vừa có cơ hội trúng thưởng.
- Tiền gửi tiết kiệm rút gốc linh hoạt: là một hình thức tiết kiệm có kỳ hạn nhưng khách hàng được quyền rút tiền gốc làm nhiều lần tùy theo nhu cầu sử dụng của mình.

Sản phẩm tín dụng:

- Cho vay sản xuất kinh doanh: VPBank thực hiện việc tài trợ vốn ngắn hạn, trung hạn và dài hạn bằng VNĐ và ngoại tệ cho cá nhân và doanh nghiệp để phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, đầu tư phát triển.
- Cho vay tiêu dùng: VPBank tài trợ vốn cho khách hàng nhằm đáp ứng nhu cầu vốn sinh hoạt tiêu dùng như mua sắm vật dụng gia đình, học phí, du lịch, cưới hỏi, chữa bệnh…
- Cho vay trả góp mua nhà: VPBank tài trợ vốn cho khách hàng nhằm bổ sung vốn để xây dựng, sửa chữa, nâng cấp nhà, thanh toán tiền mua bất động sản.
- Cho vay hỗ trợ du học: VPBank tài trợ vốn cho khách hàng hoặc người thân có nhu cầu du học ở nước ngoài hoặc du học tại chỗ.
- Cho vay trả góp mua ô tô: VPBank tài trợ vốn cho khách hàng có nhu cầu mua ô tô làm phương tiện cá nhân trong gia đình, hoặc để cho thuê, kinh doanh taxi, vận tải hành khách, hàng hoá.

- Cho vay cầm cố chứng khoán: VPBank tài trợ vốn cho khách hàng sở hữu các loại chứng khoán đã niêm yết trên sàn giao dịch hoặc chứng khoán chưa niêm yết có trong danh mục mà VPBank đưa ra.
- Thấu chi doanh nghiệp: VPBank cho phép khách hàng sử dụng vượt số tiền thực có trên tài khoản, đáp ứng kịp thời nhu cầu vốn thiếu hụt cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
- Tài trợ dự án trọn gói: VPBank cung cấp dịch vụ trọn gói bao gồm bảo lãnh (bảo lãnh dự thầu, bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh tạm ứng, bảo lãnh thanh toán, bảo lãnh bảo hành ...), vay vốn, thanh toán quốc tế/trong nước cho các khách hàng là doanh nghiệp theo trình tự phát sinh nhu cầu của khách hàng khi thực hiện dự án/phương án kinh doanh.
- Cho vay đầu tư tài sản cố định: Hình thức cho vay đáp ứng nhu cầu vay vốn của Doanh nghiệp đầu tư mới, nâng cấp, sửa chữa nhà xưởng, thiết bị, phương tiện vận tải, dây truyền sản xuất, mua sắm tài sản cố định khác.
- Tài trợ vốn lưu động
- Cho vay Chiết khấu bộ chứng từ
- Cho vay cầm cố giấy tờ có giá
- Cho vay Hợp vốn
- Cho vay theo dự án đầu tư
- Cho vay bằng nguồn vốn RDF II

Sản phẩm thẻ:

- Thẻ tín dụng quốc tế: Thẻ VPBank Mastercard MC ^{2} nhằm đáp ứng nhu cầu mua sắm tiêu dùng của giới trẻ năng động, thẻ VPBank Mastercard Platinum hướng tới đối tượng khách hàng thành đạt và sang trọng.
- Thẻ ghi nợ quốc tế cũng bao gồm Thẻ VPBank Mastercard MC ^{2} hướng tới giới trẻ và thẻ VPBank Mastercard Platinum hướng tới đối tượng khách hàng thành đạt.
- Thẻ ghi nợ nội địa Autolink: là thẻ phát hành trên cơ sở tài khoản tiền gửi không kỳ hạn của khách hàng. Thẻ Autolink là phương tiện thay thế tiền mặt tiện lợi và an toàn dùng để thanh toán hàng hóa, dịch vụ hoặc rút tiền mặt khi cần.
- Thẻ thanh toán qua mạng: Thẻ VPBank MasterCard E-card cho phép khách hàng chỉ có thể sử dụng để mua hàng, đặt vé máy bay qua mạng, đặt phòng khách sạn qua điện thoại…

Dịch vụ chuyển tiền:

- Chuyển tiền trong nước: VPBank thực hiện dịch vụ chuyển và nhận tiền theo yêu cầu của khách hàng tại các tỉnh thành trên toàn lãnh thổ Việt Nam, bao gồm: Chuyển tiền trong hệ thống VPBank và chuyển tiền ngoài hệ thống VPBank.
- Chuyển tiền quốc tế: VPBank thực hiện dịch vụ chuyển tiền ra nước ngoài để sử dụng vào các mục đích khám chữa bệnh, công tác, du lịch, du học, thanh toán tiền hàng hóa

và các mục đích hợp pháp khác. VPBank đồng thời nhận tiền chuyển về của khách hàng đang sinh sống và làm việc ở nước ngoài cho người thân, gia đình tại Việt Nam.

Thanh toán quốc tế: VPBank thực hiện các nghiệp vụ thanh toán quốc tế:

- Thanh toán bằng thư tín dụng (L/C)
- Thanh toán nhờ thu
- Thanh toán chuyển tiền bằng điện

Dịch vụ bảo lãnh:

- Bảo lãnh vay vốn
- Bảo lãnh thanh toán
- Bảo lãnh thực hiện hợp đồng
- Bảo lãnh dự thầu
- Bảo lãnh khác

Các sản phẩm dịch vụ khác

- Kinh doanh ngoại tệ: Nhận thu đổi các ngoại tệ mặt của khách hàng vãng lai, mua bán các loại ngoại tệ trên tài khoản và bán cho khách hàng có nhu cầu; Thực hiện mua bán ngoại tệ trên thị trường ngoại hối trong nước và quốc tế.
- Chi trả hộ lương cán bộ - công nhân viên: Nhận tiền mặt hoặc trích từ tài khoản tiền gửi thanh toán của tổ chức kinh tế để thanh toán lương cho CBNV theo thời gian nhất định hàng tháng.
- Dịch vụ Phone-Banking và Mobile-Banking: VPBank thực hiện cung cấp thông tin về tài khoản của khách hàng và các thông tin tài chính ngân hàng khác qua điện thoại.
- Dịch vụ nhận ủy thác đầu tư và quản lý tài sản

Ngoài ra VPBank còn thực hiện các dịch vụ ngân hàng khác theo quy định của NHNN.

5.1. Huy động vốn

Huy động vốn là một hoạt động được VPBank rất chú trọng, với mục tiêu bảo đảm vốn cho vay, an toàn thanh khoản và tăng nhanh tài sản, nâng cao vị thế của VPBank trong hệ thống ngân hàng. Các sản phẩm huy động vốn của VPBank rất đa dạng nhằm đáp ứng nhu cầu gửi tiền của dân cư và các tổ chức bằng ngoại tệ và nội tệ thông qua các kênh huy động khác nhau. Cạnh tranh trong hoạt động huy động vốn giữa các tổ chức tín dụng trong những năm gần đây diễn ra vô cùng gay gắt. Các ngân hàng lại tăng cường các chiến dịch khuyến mại với cơ cấu quà tặng phong phú, thậm chí có giá trị rất cao như nhà ở biệt thự, căn hộ chung cư cao cấp, ô tô … Thêm vào đó, do sự phát triển khá sôi động của thị trường chứng khoán đã làm dịch chuyển luồng vốn cá nhân và các doanh nghiệp vào đầu tư chứng khoán.

Thị trường 1: Là mảng thị trường tập trung vào các đối tượng là cá nhân và các tổ chức kinh tế. Ngoài các sản phẩm huy động truyền thống, VPBank không ngừng đưa ra các sản phẩm huy động vốn đa dạng, tiện ích, cạnh tranh và phù hợp với nhu cầu của cá nhân và tổ chức như: phát hành trái phiếu v.v. Ngoài ra, nhờ có chính sách lãi suất phù hợp cùng với các chương trình khuyến mãi với quà tặng hấp dẫn và mạng lưới hoạt động rộng khắp trong cả nước,

thương hiệu Ngân hàng đã chiếm được vị trí vững chắc trong tiềm thức dân cư và các doanh nghiệp nên việc huy động vốn cũng trở nên thuận lợi hơn.

Thị trường 2: Là mảng thị trường tập trung vào các định chế tài chính. Bên cạnh việc kinh doanh liên ngân hàng, VPBank còn nhận tài trợ của các tổ chức quốc tế như và nhận ủy thác đầu tư của các tổ chức trong và ngoài nước để tài trợ cho các dự án trọng điểm đóng góp chung vào sự phát triển của nền kinh tế.

Cơ cấu nguồn vốn hoạt động của VPBank cũng có các biến chuyển tốt dần qua các năm:

Đơn vị tính: triệu đồng

Huy động vốn	**31/12/2008**	**31/12/2009**	**30/09/2010**
Huy động từ dân cư (thị trường 1)	14.230.102	16.489544	21.639.345
Huy động từ các TCTD (thị trường 2)	1.278.065	7.476.782	5.338.003
Huy động khác	100.759	161.799	132.165
Tổng huy động	**15.608.926**	**24.128.125**	**27.109.513**

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2008, 2009 và BCTC 30/09/2010

Có thể thấy tổng huy động của 9 tháng đầu năm 2010 đã vượt qua tổng huy động của cả năm 2009 và có sự thay đổi lớn trong cơ cấu nguồn huy động, huy động từ thị trường 1 tăng và huy động từ thị trường 2 giảm. Sự thay đổi này không chỉ nhằm đáp ứng quy định của NHNN về việc tổng huy động thị trường 2 tối đa bằng 20% huy động từ thị trường 1 mà còn tạo ra một nguồn vốn rẻ và bền vững cho các hoạt động của ngân hàng.

Mục tiêu của VPBank trong những năm tới là tiếp tục mở rộng mạng lưới hoạt động trên toàn quốc, đưa ra thêm nhiều sản phẩm huy động đa dạng và thực hiện các chương trình khuyến mãi dành cho khách hàng gửi tiền nhằm tiếp tục duy trì và đẩy mạnh hoạt động huy động vốn.

5.2. Hoạt động tín dụng

Trong điều kiện nền kinh tế mở cửa và liên tục tăng trưởng mạnh, những năm gần đây Việt Nam được xem là một trong những nền kinh tế tăng trưởng cao trên thế giới, nhu cầu vốn đầu tư tăng cao nên hoạt động tín dụng của các ngân hàng khá sôi động.

VPBank thực hiện chính sách tín dụng thận trọng và phân tán rủi ro. Việc tăng trưởng tín dụng được kiểm soát chặt chẽ để đảm an toàn hoạt động cho Ngân hàng. Trong điều kiện nền kinh tế mở cửa và liên tục tăng trưởng mạnh, những năm gần đây Việt Nam được xem là một trong những nền kinh tế có mức tăng trưởng cao hàng đầu trên thế giới, nhu cầu vốn đầu tư tăng cao nên hoạt động tín dụng của các ngân hàng khá sôi động. Hoạt động tín dụng của VPBank được giữ vững theo phương châm "bảo thủ", không cạnh tranh bằng cách nới lỏng điều kiện tín dụng. Đồng thời với phương châm phân tán rủi ro, VPBank đã chú trọng hỗ trợ tích cực cho các đối tượng khách hàng là các doanh nghiệp nhỏ và vừa, các hộ kinh doanh cá thể trong việc phát triển sản xuất kinh doanh, và đáp ứng các nhu cầu tín dụng tiêu dùng cho các cá nhân thu nhập cao. Do vậy, cùng với sự nỗ lực tiếp thị khách hàng của các đơn vị, tốc độ phát triển tín dụng vẫn đạt mức tăng trưởng khá trong điều kiện chính sách tiền tệ có nhiều thay đổi, đồng thời chất lượng tín dụng vẫn được đảm bảo an toàn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

Dư nợ tín dụng của VPBank qua các năm như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

Cho vay	**31/12/2008**	**31/12/2009**	**30/09/2010**
Dư nợ cho vay ngắn hạn	6.047.219	8.753.647	12.750.691
Dư nợ cho vay trung hạn	3.610.325	4.228.062	4.861.568
Dư nợ cho vay dài hạn	3.328.384	2.831.560	3.377.938
Tổng dư nợ	**12.985.928**	**15.813.269**	**20.945.197**

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2008, 2009 và Báo cáo tài chính 30/09/2010

Năm 2009 dư nợ của VPBank không tăng nhiều so với năm 2008 do chính sách thắt chặt tín dụng của Ngân hàng Nhà nước và khó khăn của nền kinh tế. Điều này ảnh hưởng khá nhiều đến kết quả hoạt động của VPBank. Tuy nhiên, 9 tháng năm 2010 tổng dư nợ đã tăng 32,45% so với cả năm 2009.

Mặc dù tăng trưởng tín dụng cao nhưng chất lượng tín dụng của VPBank vẫn đảm bảo được yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước và quy chế của VPBank. Tỷ lệ nợ xấu (gồm tổng dư nợ thuộc các nhóm 3, 4 và 5 phân loại theo quy định của Ngân hàng Nhà nước trên tổng dư nợ cho vay đối với khách hàng) của VPBank cuối năm 2008 ở mức 3,41% trên tổng dư nợ do khó khăn chung của nền kinh tế và dư nợ giảm. Tuy nhiên mức này vẫn thấp hơn nhiều so với tỷ lệ nợ xấu chung của ngành ngân hàng Việt Nam (khoảng trên 7%). Sang năm 2009 VPBank đã tích cực xử lý nợ xấu bằng nhiều biện pháp hữu hiệu, và kết quả là, tỷ lệ nợ xấu đã được giảm xuống mức 1,63% và chín tháng đầu năm 2010 tỷ lệ này chỉ còn 1,38%

Đơn vị tính: triệu đồng

Phân loại nợ	**31/12/2008**	**31/12/2009**	**30/09/2010**
Nợ đủ tiêu chuẩn (nợ nhóm 1)	12.046.645	15.351.821	20.261.576
Nợ cần chú ý (nợ nhóm 2)	496.856	203.726	395.419
Nợ dưới tiêu chuẩn (nợ nhóm 3)	247.651	37.660	92.800
Nợ nghi ngờ (nợ nhóm 4)	139.526	67.922	49.513
Nợ có khả năng mất vốn (nợ nhóm 5)	55.250	152.140	145.889
Tổng cộng	**12.985.928**	**15.813.269**	**20.945.197**
Nợ xấu (nợ từ nhóm 3 đến nhóm 5)	442.427	257.722	288.202
Tỷ lệ nợ xấu/tổng dư nợ	3,41%	1,63%	1,38%

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2008, 2009, BCTC 30/9/2010

Tính đến 30/09/2010, toàn bộ các khoản cho vay đều được VPBank trích dự phòng rủi ro theo Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN và quyết định số 18/2007/QĐ-NHNN. Tình hình trích dự phòng rủi ro như sau:

Đơn vị: Triệu đồng

Dự phòng rủi ro tín dụng	Dự phòng	Dự phòng	Dự phòng cụ	Tổng dự

	cụ thể của các khoản chi vay	chung của các khoản cho vay	thể của các cam kết ngoại bảng	phòng
Theo quyết định 493	50.459	150.767	-	201.226
Số thực tế Ngân hàng đã hạch toán	50.459	150.767	-	201.226
Chênh lệch	-	-	-	-

Nguồn: Báo cáo tài chính 30/09/2010

5.3 Các hoạt động dịch vụ ngân hàng

Doanh thu từ các hoạt động dịch vụ ngân hàng chiếm tỷ trọng khoảng 30% trong tổng doanh thu của ngân hàng. Doanh thu từ hoạt động dịch vụ của Ngân hàng như sau:

Đơn vị: triệu đồng

Hoạt động dịch vụ	**Năm 2008**	**Năm 2009**	**30/9/2010**
Doanh thu từ dịch vụ bảo lãnh	8.479	10.744	10.757
Doanh thu từ dịch vụ thanh toán	32.554	35.816	31.103
Doanh thu từ dịch vụ ngân quỹ	6.733	9.563	4.941
Doanh thu từ hoạt động KD chứng khoán	7.651	15.971	7.772
Doanh thu các hoạt động dịch vụ khác	12.183	128.678	199.652
Tổng cộng	**67.600**	**200.772**	**254.225**

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2008, 2009 và BCTC 30/09/2010

Trong đó

Hoạt động thanh toán trong nước và quốc tế

Với mạng lưới chi nhánh, phòng giao dịch và hệ thống ATM rộng khắp trên toàn quốc, VPBank cung cấp các dịch vụ thanh toán cho khách hàng với chất lượng cao. Là thành viên của Hiệp hội thanh toán điện tử liên ngân hàng Citad, bù trừ và hệ thống thanh toán VCBmoney, hàng năm tổng giá trị giao dịch thanh toán nội địa chuyển VPBank Hội sở đạt khoảng trên 200.000 tỷ VNĐ (bao gồm cả chuyển đi và nhận về) chuyển qua VPBank Hội sở (chưa kể các chi nhánh ở các tỉnh thành phố khác).

Đối với mảng dịch vụ thanh toán quốc tế, VPBank thực hiện mô hình tập trung thanh toán quốc tế giữa các chi nhánh và Hội sở chính thông qua Trung tâm thanh toán. Do vậy nghiệp vụ chuyển tiền quốc tế và tài trợ thương mại được Trung tâm thanh toán xử lý theo một quy trình và chuẩn mực thống nhất trên toàn hệ thống, đảm bảo an toàn cho hệ thống thanh toán của VPBank. Tỷ lệ điện chuẩn trong thanh toán của VPBank luôn ở mức cao, góp phần làm giảm chi phí phát sinh, rút ngắn thời gian giao dịch. Nhiều năm liên tục, VPBank đạt giải thưởng về chất lượng thanh toán quốc tế xuất sắc do các tập đoàn tài chính toàn cầu như Union Bank - Mỹ, The Bank of NewYork, CitiBank - Mỹ, Wachovia Bank trao tặng. Hơn nữa, VPBank hiện

đang có quan hệ đại lý với khoảng 130 ngân hàng lớn tại nhiều quốc gia trên thế giới (chưa kể đến các chi nhánh của họ). Điều này góp phần rút ngắn thời gian VPBank phát hành, thông báo và thu xếp các yêu cầu xác nhận tín dụng thư liên quan đến giao dịch xuất nhập khẩu một cách nhanh chóng và hiệu quả.

Dịch vụ Bảo lãnh

Các loại hình bảo lãnh do VPBank cung cấp bao gồm bảo lãnh dự thầu, bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh thanh toán, bảo lãnh chất lượng sản phẩm và bảo lãnh vay nợ. Thu nhập ròng từ phí và phí môi giới của các dịch vụ bảo lãnh này đóng góp một phần vào doanh thu của Ngân hàng.

Dịch vụ thẻ

Trung tâm thẻ VPBank từ khi ra đời đã tích cực hoạt động để giải quyết các phần việc liên quan đến dự án phát triển thẻ của VPBank. Trong năm 2006 VPBank đã cho ra đời thẻ ghi nợ nội địa mang tên Autolink. Hiện nay, VPBank cũng đang phát hành thẻ tín dụng quốc tế Master Card và thẻ trả trước quốc tế Master Card, đồng thời tích cực triển khai hợp tác với các Tổ chức thẻ quốc tế khác (như Visa, v.v.) nhằm tăng nhiều lựa chọn và dịch vụ cung cấp tới khách hàng..

Một số chỉ tiêu hoạt động dịch vụ thẻ của VPBank như sau:

Đơn vị: thẻ

Báo cáo hoạt động dịch vụ thẻ	31/12/2008	31/12/2009	30/09/2010
Số lượng thẻ nội địa	**48,601**	**61,957**	**78.732**
Thẻ tín dụng	-	-	-
Thẻ ghi nợ	48,601	61,957	78.732
Số lượng thẻ Quốc tế	**7,165**	**8,645**	**9.850**
Thẻ tín dụng	4,435	4,761	5.154
Thẻ ghi nợ	2,730	3,884	4.696
Tổng số thẻ đã phát hành	**55,766**	**70,602**	**88.582**

Nguồn: Trung tâm thẻ VPBank

5.4 Thị trường vốn và hoạt động kinh doanh ngoại hối

VPBank là một trong những ngân hàng năng động trong thị trường vốn và ngoại tệ với các hoạt động kinh doanh vốn, giấy tờ có giá và ngoại tệ. Mảng hoạt động này đóng góp vào cơ cấu thu nhập của Ngân hàng.

Hoạt động kinh doanh vốn: Bên cạnh hoạt động cho vay khách hàng, hoạt động bán buôn trên thị trường liên ngân hàng cũng là một thế mạnh của VPBank. Chi tiết số dư tiền gửi và cho vay của VPBank tại Ngân hàng Nhà nước và các tổ chức tín dụng thể hiện trong bảng sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

Tiền gửi	31/12/2008	31/12/2009	30/09/2010

Tiền gửi tại NHNN	730.651	758.497	411.622
Tiền gửi tại các TCTD khác	1.543.899	7.383.093	2.264.333
Tổng tiền gửi	**2.274.550**	**8.141.590**	**2.675.955**
Tổng nguồn vốn	18.647.630	27.543.006	34.603.642
Tỷ trọng Tổng tiền gửi/tổng Nguồn vốn	12,20%	29,56%	7,73%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2008, 2009, BCTC 30/09/2010

Hoạt động kinh doanh giấy tờ có giá: VPBank luôn duy trì mức đầu tư giấy tờ có giá xấp xỉ 10% trên tổng nguồn vốn huy động, chủ yếu tập trung vào các giấy tờ có giá có mức rủi ro thấp như: Trái phiếu Chính phủ, Công trái giáo dục, Trái phiếu đô thị, Tín phiếu kho bạc, Kỳ phiếu, Chứng chỉ tiền gửi của các tổ chức tín dụng lớn như Ngân hàng Đầu tư phát triển Việt Nam, Ngân hàng Công thương Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn Việt Nam, v.v. Tính đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009, tỷ trọng đầu tư chứng khoán của VPBank là 8,82% và tại thời điểm ngày 30 tháng 09 năm 2010, tỷ trọng này của VPBank đã tăng đến xấp xỉ 10,48 % trên tổng nguồn vốn.

Đơn vị tính: triệu đồng

Kinh doanh giấy tờ có giá	**31/12/2008**	**31/12/2009**	**30/09/2010**
Chứng khoán kinh doanh	84.330	73.406	169.859
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	*(7.030)*	*(16.281)*	*(48.580)*
Chứng khoán đầu tư	1.773.585	2.308.844	3.339.667
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư	-	*(16.901)*	*0*
Góp vốn đầu tư dài hạn	153.477	45.778	117.180
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	-	-	*(17.983)*
Tổng giá trị kinh doanh giấy tờ có giá	**2.011.392**	**2.428.028**	**3.626.706**
Tổng nguồn vốn	18.647.630	27.543.006	34.603.642
Tỷ trọng trên Tổng nguồn vốn	10,79%	8,82%	10,48%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2008, 2009, BCTC 30/09/2010

Trong đó, chứng khoán kinh doanh là các chứng khoán vốn do các TCTD và tổ chức kinh tế trong nước phát hành, chứng khoán đầu tư chủ yếu là trái phiếu chính phủ, trái phiếu cho các TCTD và tổng công ty của nhà nước phát hành.

Hoạt động kinh doanh ngoại hối: VPBank liên tục duy trì trạng thái ngoại tệ trong mức quy định của Ngân hàng Nhà nước. Doanh thu từ hoạt động này chủ yếu từ các hợp đồng giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng hoán đổi v.v. VPBank đã thiết lập các hạn mức trạng thái cho từng loại ngoại tệ và được theo dõi tập trung tại Hội sở chính. Ngoài ra, các biện pháp phòng ngừa rủi ro cũng được áp dụng để đảm bảo trạng thái ngoại tệ toàn hệ thống được duy trì trong hạn mức đã thiết lập.

Doanh thu từ hoạt động kinh doanh ngoại hối như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

Doanh thu từ kinh doanh ngoại hối	Năm 2008	Năm 2009	9 tháng năm 2010
Thu từ kinh doanh ngoại tệ giao ngay	51.063	45.716	45.417
Thu từ kinh doanh vàng	706	665	665
Thu từ các công tụ tài chính phái sinh tiền tệ	41.973	1.207	1.207
Tổng thu từ kinh doanh ngoại hối	**93.742**	**47.588**	**47.289**

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2008, 2009, BCTC 30/09/2010

5.5. Hoạt động ngân hàng đại lý

VPBank đã có tổng số 134 Chi nhánh và Phòng giao dịch trên toàn quốc. Hiện tại, VPBank là Ngân hàng đại lý của nhiều Ngân hàng lớn có mạng lưới hoạt động rộng khắp như: Woori Bank, Bank of NewYork, Muziho Coporate Bank.,Ltd; Sumitomo Mitsui Banking Corporation; Wachovia Bank; OCBC…

6. Quản lý rủi ro và bảo toàn vốn

Vấn đề quản trị rủi ro luôn được VPBank quan tâm hàng đầu nhằm nâng cao chất lượng hoạt động và tránh được những sai lầm đáng tiếc.

Quản lý Rủi ro

Quản lý rủi ro là một trong những nguyên tắc quan trọng nhất đối với hoạt động của VPBank. Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm về chiến lược quản lý rủi ro của Ngân hàng cùng với các ban triển khai trực thuộc Ủy ban quản lý rủi ro, chịu trách nhiệm về hoạt động hàng ngày. Các chính sách quản lý rủi ro của VPBank được phát triển để hỗ trợ chiến lược kinh doanh tổng thể của Ngân hàng và được xây dựng để quản lý tất cả các loại rủi ro: rủi ro thanh khoản, rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường và rủi ro hoạt động. VPBank cho rằng rủi ro tín dụng là quan trọng nhất bởi vì thu nhập từ dịch vụ tín dụng đóng góp lớn nhất cho thu nhập của VPBank thể hiện ở chỗ nguồn thu này chiếm tỷ lệ lớn trong tổng doanh thu của VPBank. Tất cả các loại rủi ro được quản lý theo các hệ thống giới hạn phạm vi, kiểm soát và báo cáo, theo một chính sách rủi ro do Hội đồng Quản trị quy định.

Quản trị rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng có thể xảy ra khi khách hàng không thực hiện nghĩa vụ đã được VPBank bảo lãnh, hoặc khách hàng không thanh toán đầy đủ và đúng hạn gốc và lãi các khoản vay được VPBank cấp. Do vốn chủ sở hữu của ngân hàng so với tổng tài sản thường rất nhỏ nên chỉ cần một tỷ lệ nhỏ danh mục cho vay không thể thu hồi được có thể đẩy một ngân hàng tới nguy cơ phá sản. Để giảm thiểu rủi ro tín dụng, một số biện pháp chủ yếu được VPBank áp dụng như sau:

- Từ nhiều năm nay VPBank đã thực hiện chính sách tín dụng thận trọng để duy trì rủi ro tín dụng ở mức thấp nhất. Đối tượng khách hàng chủ yếu là cá nhân và những doanh nghiệp vừa và nhỏ, có tình hình tài chính lành mạnh, tài sản đảm bảo đáp ứng yêu cầu,

vay để phục vụ nhu cầu tiêu dùng và sản xuất kinh doanh. Hạn chế cho vay đối với những lĩnh vực rủi ro cao như kinh doanh bất động sản, kinh doanh chứng khoán.

- Để thực hiện xét duyệt và quyết định cấp các khoản tín dụng và bảo lãnh VPBank tổ chức thành ba cấp: Ban tín dụng tại các chi nhánh, Hội đồng tín dụng khu vực và Hội đồng tín dụng Hội sở. Bên cạnh việc quyết định cấp tín dụng hoặc bảo lãnh, Hội đồng tín dụng còn quyết định các vấn đề về chính sách tín dụng, quản lý rủi ro tín dụng, hạn mức phán quyết của các ban tín dụng. Nguyên tắc cấp tín dụng là sự nhất trí 100% của các thành viên xét duyệt.
- Các khách hàng vay cá nhân và doanh nghiệp đều được xếp hạng trong quá trình thẩm định. Sau khi thẩm định, phân tích và định lượng rủi ro, các hạn mức tín dụng hoặc các khoản vay độc lập sẽ được cấp cho từng khách hàng. Sau khi cho vay, Ngân hàng duy trì việc thường xuyên đánh giá, thẩm định lại khách hàng và điều chỉnh lãi suất, hạn mức cho vay cho phù hợp.
- Nghiêm túc thực hiện việc phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng theo đúng quy định của Ngân hàng Nhà nước với mức trích lập đủ các khoản nợ quá hạn theo quyết định của Hội đồng tín dụng.
- VPBank cũng thay đổi mô hình quản lý tín dụng theo quy chuẩn quốc tế với bộ phận Phát triển khách hàng, Quản lý tín dụng và bộ phận Kiểm soát rủi ro tín dụng.
- Liên tục cập nhật các quy định của nhà nước liên quan đến tín dụng và ban hành những quy trình, quy chế hướng dẫn thực hiện các quy định về hoạt động tín dụng, thẩm định, phê duyệt, giải ngân, thu nợ dựa trên nguyên tắc độc lập và theo mức thẩm quyền từ cấp cơ sở đến các cấp thẩm quyền ở Hội sở.

Quản trị rủi ro lãi suất

Những thay đổi về lãi suất sẽ gây ra tác động mạnh tới thu nhập và chi phí hoạt động của Ngân hàng do sự chênh lệch về kỳ hạn và thanh khoản giữa vốn huy động với việc sử dụng nguồn vốn huy động. Cho dù theo đuổi chiến lược quản lý nào thì Ngân hàng cũng khó có thể loại bỏ được loại rủi ro tiềm tàng và nguy hiểm nhất này trong hoạt động của Ngân hàng.

Tại VPBank, việc quản lý rủi ro lãi suất được thực hiện theo nguyên tắc cẩn trọng, thông qua phân tích tỷ số giữa tài sản nhạy cảm lãi suất và nguồn nhạy cảm lãi suất ở các trạng thái VNĐ, USD, EUR, v.v. Rủi ro lãi suất được đo lường và theo dõi thông qua bộ phận quản lý rủi ro tại Phòng Nguồn vốn. Căn cứ nội dung của các cuộc họp giao ban hàng ngày, hàng tuần về nhận định diễn biến và xu hướng biến động lãi suất trên thị trường, cũng như các cuộc họp thường kỳ của phòng Nguồn vốn với Hội đồng Quản lý Tài sản nợ - tài sản có (ALCO) sẽ quyết định duy trì các mức chênh lệnh về kỳ hạn, lãi suất hợp lý để định hướng cho hoạt động của Ngân hàng.

Ngoài ra, để hạn chế các rủi ro lãi suất, VPBank đã áp dụng các giải pháp và tăng cường các biện pháp quản lý rủi ro lãi suất như: VPBank thực hiện áp dụng hợp đồng kỳ hạn và hợp đồng hoán đổi về lãi suất; áp dụng các chính sách lãi suất thả nổi linh hoạt theo từng kỳ hạn nguồn và từng loại hình cho vay; đảm bảo một tỷ lệ kỳ hạn nguồn với kỳ hạn cho vay phù hợp theo những quy định của pháp luật, v.v. Đây là giải pháp giúp Ngân hàng chia sẻ rủi ro lãi suất với

khách hàng đồng thời giúp Ngân hàng ngăn ngừa được biến động về lãi suất cũng như bù đắp các rủi ro về lãi suất.

Quản trị rủi ro về ngoại hối

Rủi ro về ngoại hối phát sinh khi có sự mất cân bằng về trạng thái ngoại hối, về loại tiền tệ của các khoản ngoại hối nắm giữ, và vì thế làm cho Ngân hàng có thể gánh chịu lỗ khi tỷ giá ngoại hối biến động. Nhằm hạn chế rủi ro ngoại hối, VPBank duy trì một tỷ lệ cân xứng giữa tài sản nợ và tài sản có ngoại tệ, duy trì trạng thái ngoại hối ròng ở mức hợp lý; đào tạo đội ngũ cán bộ có chuyên môn cao, có khả năng phân tích dự báo tình hình biến động tỷ giá của các đồng tiền và ra quyết định mua, bán đúng lúc. Bên cạnh đó, Ngân hàng đã tiếp cận việc sử dụng các công cụ tài chính có khả năng phòng ngừa rủi ro như: các hợp đồng mua bán ngoại tệ kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng hoán đổi ngoại tệ, hợp đồng quyền chọn,v.v. trong hoạt động kinh doanh ngoại hối.

Quản trị rủi ro về thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là một trong các rủi ro rất quan trọng trong hoạt động ngân hàng. Do vậy, rủi ro thanh khoản được ngân hàng quan tâm đặc biệt. Quản trị rủi ro thanh khoản tại VPBank được thực hiện trong một kế hoạch tổng thể về quản trị rủi ro thanh khoản và ứng phó với các sự cố rủi ro thanh khoản.

Kể từ khi thành lập và đi vào hoạt động, Ngân hàng luôn đảm bảo duy trì khả năng thanh khoản rất tốt và luôn tuân thủ các quy định về thanh khoản của Ngân hàng Nhà nước. Hội đồng ALCO, Ban điều hành, Phòng Nguồn vốn tùy theo phân cấp có trách nhiệm đưa ra những đánh giá định tính, định lượng thanh khoản, xây dựng khung quản lý rủi ro thanh khoản và giám sát rủi ro thanh khoản. Quản lý rủi ro thanh khoản tại VPBank đảm bảo tuân thủ các nguyên tắc cụ thể sau:

- Tuân thủ nghiêm các quy định của Ngân hàng Nhà nước về tỷ lệ an toàn vốn và thanh khoản trong hoạt động ngân hàng.
- Luôn duy trì tỷ lệ tối thiểu theo quy định giữa giá trị các tài sản Có có thể thanh toán ngay và các tài sản nợ sẽ đến hạn thanh toán trong thời gian một (01) tháng tiếp theo. Xây dựng danh mục đầu tư hợp lý với tỷ trọng đầu tư vào các loại chứng khoán, giấy tờ có giá, các loại tài sản, v.v. để dung hòa giữa mục tiêu thanh khoản và mục tiêu lợi nhuận của Ngân hàng.
- Duy trì tỷ lệ tối thiểu bằng một giữa tổng tài sản Có có thể thanh toán ngay trong khoảng thời gian bảy (07) ngày làm việc tiếp theo và tổng tài sản nợ phải thanh toán trong khoảng thời gian bảy (07) ngày làm việc tiếp theo.
- Tuân thủ các hạn mức thanh khoản quy định trong chính sách quản lý rủi ro thanh khoản do Hội đồng ALCO quy định.
- Tổng hợp và phân tích động thái của khách hàng gửi tiền. Xây dựng kế hoạch sử dụng vốn cho hoạt động tín dụng và các hoạt động có rủi ro vốn. Dự báo kịp thời nhu cầu của khách hàng trong từng thời kỳ để chủ động lên kế hoạch huy động và sử dụng nguồn vốn.

- VPBank cũng thiết lập các định mức thanh khoản như là một công cụ dự phòng tài chính để ứng phó với các đột biến về thanh khoản. Căn cứ khả năng thanh toán ngay và khả năng chuyển đổi thành thanh toán ngay, định mức thanh khoản chia làm nhiều cấp độ từ thấp đến cao. Trong mỗi cấp độ sẽ quy định rõ các loại thanh khoản. Kế hoạch thanh khoản dự phòng được thể hiện bằng văn bản và được Hội đồng ALCO xem xét cập nhật hàng tháng.
- VPBank cũng đang triển khai tiếp nhận hỗ trợ kỹ thuật của OCBC về quản trị rủi ro thanh khoản, trong đó bao gồm nâng cao trình độ quản trị rủi ro về thanh khoản và chiến lược quản lý rủi ro thanh khoản.
- Công bố thông tin thường xuyên và kịp thời đính chính những thông tin sai sự thật gây ảnh hưởng tới thanh khoản của Ngân hàng. Xây dựng chính sách tạo và củng cố lòng tin của khách hàng đối với Ngân hàng từ sản phẩm dịch vụ và chất lượng hoạt động.

Ngoài ra, Ngân hàng cũng xây dựng kế hoạch ứng phó tình trạng khẩn cấp thanh khoản nhằm cung cấp cho lãnh đạo, trưởng các đơn vị, bộ phận và các nhân viên phương cách quản lý và ứng phó khi xảy ra sự cố thanh khoản. Các bước có quan hệ mật thiết với nhau trong quá trình ứng phó tình trạng khẩn cấp thanh khoản, bao gồm: Định nghĩa phân loại sự cố, mô phỏng các tình huống của sự cố và các hành động cụ thể để ứng phó; quản lý mọi hành động trong thời gian xảy ra sự cố, điều chỉnh kế hoạch cho phù hợp với tình hình.

Quản trị rủi ro từ các hoạt động ngoại bảng

Rủi ro từ các hoạt động ngoại bảng phát sinh chủ yếu ở hoạt động cấp L/C, cam kết cho vay, cam kết bảo lãnh, v.v. Để giảm thiểu các rủi ro trong hoạt động ngoại bảng, các khách hàng tại VPBank được tiến hành thẩm định cẩn thận, phải đáp ứng các yếu tố sau:

- Có năng lực tài chính, kinh nghiệm, trình độ quản lý và uy tín hoạt động trong ngành nghề, có đối tác nước ngoài là các đối tác quen thuộc, có thị trường tiêu thụ trong nước ổn định, có quan hệ uy tín với VPBank trong nhiều lĩnh vực hoạt động.
- Phương án kinh doanh khả thi.
- Tỷ lệ ký quỹ an toàn.
- Mặt hàng chuyên doanh phải dễ dàng tiêu thụ trên thị trường.
- Vay thanh toán L/C có tài sản đảm bảo.

Ngoài ra VPBank cũng chú trọng chuẩn hóa các quy trình nghiệp vụ, nâng cao năng lực hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ, nâng cao năng lực của cán bộ nhân viên nhằm hạn chế và phát hiện sớm rủi ro để xử lý kịp thời.

Quản trị rủi ro hoạt động

Rủi ro hoạt động bao gồm toàn bộ các rủi ro có thể phát sinh từ cách thức mà một ngân hàng điều hành các hoạt động của mình như cấu trúc hạn mức không phù hợp trong lĩnh vực kinh doanh nguồn vốn, quản trị không tốt các quy trình quản lý tín dụng, cán bộ tham ô, thiếu các kế hoạch phục hồi hoạt động kinh doanh trong trường hợp xảy ra thảm họa, v.v.

VPBank luôn thực hiện những biện pháp cơ cấu và tái cơ cấu bộ máy nhằm thích ứng với những thay đổi của môi trường kinh doanh và khắc phục những điểm yếu kém hiện tại hoặc mới phát sinh trong quá trình hoạt động. Hiện tại VPBank đã thành lập Phòng Quản lý rủi ro trực thuộc Ban điều hành nhằm hỗ trợ các cấp lãnh đạo VPBank trong công tác quản lý các rủi ro trong quá trình hoạt động, đồng thời đề ra các biện pháp và lập các chỉ tiêu đánh giá trên toàn hệ thống Ngân hàng. Ngoài ra VPBank cũng có bộ máy Kiểm toán nội bộ trực thuộc Ban Kiểm soát hoạt động xuyên suốt và rộng khắp tại tất cả các chi nhánh và các Hội đồng tín dụng, Hội đồng quản lý nợ có và các hệ thống quy trình nghiệp vụ chặt chẽ, khoa học đảm bảo cho hoạt động của Ngân hàng an toàn, hiệu quả và ổn định.

Quản trị rủi ro khác

Ngoài các rủi ro trên, những rủi ro khác mang tính bất khả kháng cũng có thể ảnh hưởng đến hoạt động của VPBank như: thiên tai, địch hoạ, dịch bệnh hiểm nghèo, chiến tranh, khủng bố. Khi những rủi ro này xảy ra, nó tạo tâm lý bất an, gây thiệt hại, ảnh hưởng đến thu nhập của các cá nhân, tổ chức là khách hàng của VPBank.

Ngoài ra, các rủi ro khác như việc thay đổi đột ngột các chính sách, chủ trương của Nhà nước thay đổi, lạm phát gia tăng, tình trạng thất nghiệp, diễn biến nền kinh tế trong nước và kinh tế thế giới có nhiều biến động đều làm ảnh hưởng tới hoạt động của Ngân hàng và của khách hàng.

Để hạn chế những rủi ro này, VPBank áp dụng nhiều chính sách dự báo nhằm ứng phó kịp thời với những thay đổi trong hoạt động kinh doanh. Mua bảo hiểm cho các tài sản của ngân hàng và trang bị các thiết bị phòng cháy chữa cháy, camera theo dõi nhằm nâng cao các biện pháp bảo vệ cho Ngân hàng và khách hàng .Thường xuyên cật nhật thông tin để kịp thời ứng phó với những biến động, những thay đổi trong thị trường tài chính có thể gây ảnh hưởng tới hoạt động của Ngân hàng.

Phương thức kiểm toán nội bộ:

Giám sát từ xa: Việc giám sát từ xa được thực hiện trên cơ sở phân tích các báo cáo kế toán, thống kê, các dữ liệu khai thác trên mạng tin học, các văn bản chỉ đạo các quy trình, quy chế của Nhà nước và của VPBank.

Phòng Kiểm Toán Nội Bộ tiến hành phân tích các chỉ tiêu an toàn và báo cáo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Giám đốc Chi nhánh về các rủi ro trong hoạt động (nếu có).

Kiểm tra trực tiếp: Việc kiểm tra trực tiếp được thực hiện thông qua việc kiểm tra trên cơ sở các hồ sơ, chứng từ, tài liệu liên quan của đơn vị được kiểm tra. Căn cứ đặc điểm về quy mô tổ chức và hoạt động nghiệp vụ của VPBank, việc kiểm tra trực tiếp được tiến hành thường xuyên hàng ngày và định kỳ theo quyết định của Trưởng ban kiểm soát và qui trình do HĐQT ban hành hoặc đột xuất khi phát hiện có sự vi phạm nghiêm trọng các quy định của Nhà nước và của VPBank; Có dấu hiệu lừa đảo, biển thủ; Có nguy cơ rủi ro, thất thoát tài sản…Ngoài ra, mỗi nhân viên đều có trách nhiệm thường xuyên tự kiểm soát hoạt động của mình để hạn chế thấp nhất rủi ro trong phạm vi nhiệm vụ được phân công.

Nhờ có cơ chế kiểm soát rủi ro như trên mà nhiều năm qua VPBank đó hạn chế được rủi ro trong mọi hoạt động của mình và đạt được kết quả kinh doanh cao. Riêng trong hoạt động tín dụng, nợ xấu của VPBank từ mức cao nay đã giảm xuống từ 3,41% vào cuối năm 2008 còn 1,63% vào cuối năm 2009.

7. Thị trường hoạt động

7.1. Mạng lưới chi nhánh

Trong suốt quá trình hình thành và phát triển, VPBank luôn chú ý đến việc mở rộng quy mô, tăng cường mạng lưới hoạt động tại các thành phố lớn. Đến năm 2006 toàn hệ thống VPBank đã có mạng lưới gồm Hội sở và 47 điểm giao dịch (21 chi nhánh và 26 phòng giao dịch).

Cho đến nay, qui mô mạng lưới của VPBank đã tăng lên đến 134 chi nhánh và điểm giao dịch trên toàn quốc. VPBank đã hiện diện tại nhiều Tỉnh, Thành phố lớn trên cả nước. Đó là Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Cần Thơ, Quảng Ninh, Vĩnh Phúc; Bắc Giang; Thanh Hóa, Nghệ An, Đồng Nai, Long An, Kiên Giang.…

Số lượng các điểm giao dịch của VPBank tại thời điểm 30/09/2010 phân theo vùng miền như sau:

Miền Bắc: từ Nam Định trở ra

Miền Trung: từ Thanh Hóa đến Bình Định

Miền Nam: từ Khánh Hòa trở vào.

Số lượng chi nhánh của VPBank

Trong đó, chỉ riêng tại Hà Nội VPBank đã có 46 điểm giao dịch, chiếm tỷ trọng 63,88% trong tổng số các điểm giao dịch tại miền Bắc và Thành phố Hồ Chí Minh có 26 điểm giao dịch chiếm tỷ trọng 65% trong tổng số các điểm giao dịch của miền Nam.

Mặc dù có số lượng điểm giao dịch lớn, trong top 10 các ngân hàng thương mại cổ phần, nhưng số lượng điểm giao dịch của VPBank chỉ chiếm tỷ trọng 1,8% trên tổng số 7.156 điểm giao dịch của toàn ngành. Tỷ trọng chi nhánh vẫn là nhân tố chủ chốt quyết định thị phần tại

các thị trường mới nổi như Việt Nam nên sắp tới VPBank có chủ trương tăng tỷ trọng điểm giao dịch, mở rộng mạng lưới ra các tỉnh phía Nam và tập trung vào các trung tâm kinh tế lớn như Tp Hồ Chí Minh, Cần Thơ và Bình Dương…

7.2 Mạng lưới khách hàng

Về huy động vốn từ dân cư, thị trường chủ yếu của VPBank là ở các tỉnh phía Bắc sau đó đến các tỉnh phía Nam và các tỉnh miền Trung chiếm tỷ trọng nhỏ nhất. Tỷ trọng tiền gửi dân cư của VPBank phân theo vùng miền như sau:

	Cơ cấu Huy động Thị trường 1 theo vùng miền	31/12/2008	31/12/2009	30/09/2010
1	Miền Bắc	63,82%	61,24%	61,12%
2	Miền Trung	14,58%	16,20%	14,79%
3	Miền Nam	21,61%	22,57%	24,09%
Tổng cộng		**100,00%**	**100,00%**	**100,00%**

Nguồn: phòng Kế hoạch Tổng hợp VPbank

Cơ cấu Huy động theo vùng miền

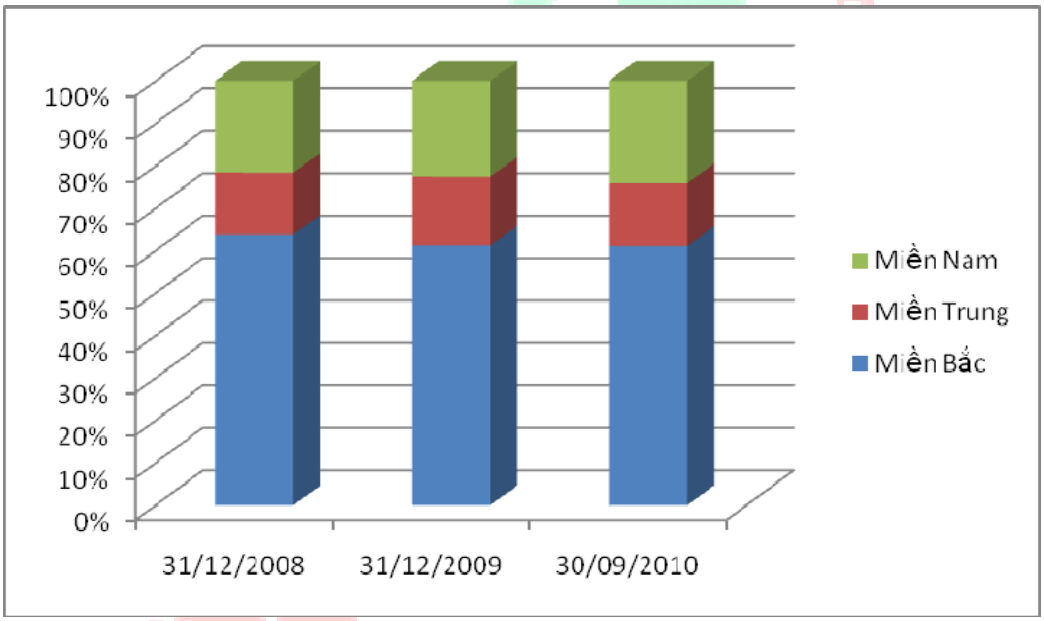

Trong khi đó, cơ cấu hoạt động tín dụng phân theo vùng miền có sự cân bằng tương đối hơn. Mặc dù vẫn tập trung chủ yếu vào miền Bắc, thị trường truyền thống và rộng lớn nhất của VPBank, nhưng thị trường tín dụng miền Nam cũng đã chiếm tỷ trọng xấp xỉ miền Bắc. Cơ cấu tín dụng theo vùng miền của VPBank như sau:

	Cơ cấu cho vay theo vùng miền	31/12/2008	31/12/2009	30/09/2010
1	Miền Bắc	42,58%	46,41%	53,44%
2	Miền Trung	13,25%	17,37%	18,76%

3	Miền Nam	44,17%	36,22%	27,80%
	Tổng cộng	**100,00%**	**100,00%**	**100,00%**

Nguồn: phòng Kế hoạch Tổng hợp VPBank

Cơ cấu tín dụng theo vùng miền

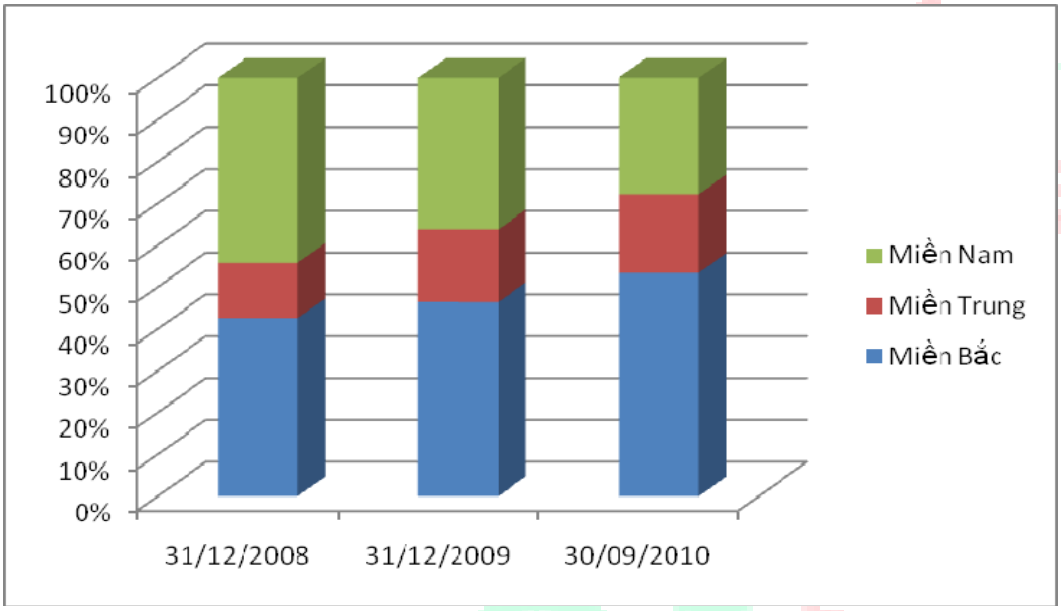

Bên cạnh những khách hàng thân thiết từ nhiều năm qua, VPBank không ngừng nỗ lực mở rộng phát triển mạng lưới khách hàng mới. Để phát triển mạng lưới khách hàng, VPBank tập trung phát triển các sản phẩm, dịch vụ mới nhằm thực hiện sứ mệnh: *Cam kết thỏa mãn tối đa lợi ích của khách hàng trên cơ sở cung cấp cho khách hàng những sản phẩm, dịch vụ phong phú, đa dạng, đồng bộ, nhiều tiện ích, chi phí có tính cạnh tranh*. Trong thời gian tới, VPBank sẽ còn triển khai nhiều sản phẩm, dịch vụ mới để đáp ứng tối đa nhu cầu phục vụ khách hàng một cách thuận tiện và hiệu quả hơn.

7.3 Thị phần và khả năng cạnh tranh

Hiện nay, VPBank đang phải cạnh tranh với 3 loại hình Ngân hàng thương mại: Ngân hàng thương mại Nhà nước, Ngân hàng Thương mại cổ phần, Chi nhánh Ngân hàng nước ngoài, ngân hàng 100% vốn nước ngoài và ngân hàng liên doanh. Mỗi loại hình ngân hàng đều có những thế mạnh riêng, buộc VPBank phải nỗ lực hết sức mình trong từng giai đoạn phát triển. Với định hướng *"Khách hàng là nền tảng của mọi hoạt động"*, VPBank không ngừng cải thiện, xây dựng hình ảnh, thương hiệu của VPBank gần gũi, thân thiện với khách hàng hơn.

Mục tiêu chiến lược luôn hướng tới khách hàng, không ngừng phát triển các sản phẩm, dịch vụ phong phú, đa dạng, chi phí có tính cạnh tranh nhưng mang lại tiện ích tốt nhất cho khách hàng. Trong năm 2009, VPBank đưa ra sản phẩm "Thẻ ATM nhận diện" nằm trong nỗ lực của nhằm đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ ngân hàng, không ngừng gia tăng tiện ích. Ưu điểm của loại thẻ này là kết hợp giữa chức năng nhận diện với thẻ ATM mang lại lợi ích và tiện ích hiện đại của công nghệ mới cho tổ chức quản lý và thành viên sử dụng. Trong những tháng đầu năm 2010, VPBank đã triển khai "Chương trình ưu đãi khám sức khỏe tại Parkway Health dành cho

chủ thẻ VPBank MasterCard Platinum", thể hiện sự quan tâm tối đa của VPBank đối với khách hàng. Ngoài ra, đối với các khách hàng Doanh nghiệp, hiện tại, VPBank đang triển khai 2 gói sản phẩm mới "Thấu chi Doanh nghiệp" và " Tài trợ dự án trọn gói" với chính sách lãi suất hợp lý, cạnh tranh. Trên đây chỉ là 3 chương trình tiêu biểu trong hàng loạt chương trình khuyến mại được VPBank triển khai nhằm hướng tới lợi ích tối đa của khách hàng.

Công nghệ tiên tiến và quản trị thông tin có khoa học là cơ sở để tăng tốc và duy trì sức mạnh: VPBank là 1 trong 5 Ngân hàng đầu tiên áp dụng hệ thống T24 Core Banking là công nghệ ngân hàng tiên tiến, hỗ trợ triển khai các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng hiện đại. Đến nay, để không ngừng nâng cao, hoàn thiện hệ thống công nghệ thông tin, VPBank tiến hành áp dụng công nghệ thẻ chip theo chuẩn EMV, loại thẻ này có ưu điểm bảo mật cao hơn và có thể kết hợp đa chức năng và ứng dụng từ các ngành công nghiệp khác nhau như khả năng tính điểm ưu đãi cho khách hàng quen thuộc, nhận dạng, hay thông tin sức khỏe…

Xây dựng đội ngũ nhân viên luôn minh bạch và có tinh thần trách nhiệm, luôn thể hiện tính chuyên nghiệp và sáng tạo là cở sở cho thành công của Ngân hàng: Với ưu thế có đối tác chiến lược là tập đoàn OCBC, tập đoàn tài chính lớn thứ 3 của Singapore, VPBank đã có nhiều thỏa thuận hợp tác về đào tạo nguồn nhân lực chuyên nghiệp, sáng tạo. Đặc biệt, OCBC đã dành khoảng 7 triệu USD phục vụ công tác hỗ trợ nghiệp vụ cho cán bộ nhân viên VPBank.

Uy tín – Chất lượng ngày càng được củng cố và phát triển: Trong nhiều năm liên tục, VPBank luôn nhận được các giải thưởng có uy tín ở trong và ngoài nước về chất lượng sản phẩm và dịch vụ như: Cúp vàng nhãn hiệu Quốc gia, Chứng nhận Ngân hàng thanh toán xuất sắc do The Bank of New York – Mỹ trao tặng; Chứng nhận Đại lý Xuất sắc nhất Việt Nam về hiệu quả mạng lưới năm 2009 – Best in Productivity và còn nhiều giải thưởng khác nữa.

8. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Các số liệu tài chính sử dụng trong bản cáo bạch này được lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008, 31/12/2009 của VPBank và các công ty con được hợp nhất đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam và báo cáo tài chính cho 9 tháng năm 2010 của VPBank.

8.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của VPBank

8.1.1. Kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị tính: triệu đồng

Kết quả hoạt động kinh doanh	31/12/2008	31/12/2009	% tăng/ giảm	30/09/2010
Tổng tài sản	18.647.630	27.543.006	47,70%	34.603.642
Tổng thu nhập hoạt động	694.359	920.736	32,60%	985.977
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	56.142	89.067	198,95%	106.022
Lợi nhuận trước thuế	198.723	382.632	92,55%	450.631
Lợi nhuận sau thuế	142.581	293.565	105,89%	344.608

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2008, 2009, BCTC 30/09/2010

8.1.2. Các chỉ tiêu khác:

8.1.2.1. Về lợi nhuận

Đơn vị tính: triệu đồng

Lợi nhuận	Năm 2008	Năm 2009	% tăng/giảm	9 tháng năm 2010
Thu nhập thuần từ lãi	651.510	773.211	18,68%	408.963
Thu nhập thuần từ hoạt động dịch vụ	34.275	136.920	299,47%	187.136
Thu nhập thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	(7.565)	19.211	353,95%	17.498
Thu nhập thuần từ hoạt động khác	16.139	(8.606)	-153,32%	372.379
Tổng thu nhập từ hoạt động	694.359	920.736	32,6%	985.977
Lợi nhuận trước thuế	**198.723**	**382.632**	**92,55%**	**450.631**
Lợi nhuận sau thuế	142.581	293.565	105,89%	344.608

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2008, 2009, BCTC 30/09/2010

8.1.2.2. Hoạt động đầu tư.

Tình hình góp vốn, mua cổ phần của VPBank tại thời điểm 30/09/2010 như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

Tên Công ty	Lĩnh vực kinh doanh chủ yếu	Vốn điều lệ	Số vốn góp của VPBANK	Tỷ lệ/VĐL
Công ty cổ phần bảo hiểm quân đội (MIC)	Bảo hiểm	300.000	21.000	7,00%
Công ty cổ phần ngoại thương và phát triển đầu tư Tp HCM (FIDECO)	Xây dựng, xuất nhập khẩu, đầu tư	142.977	15.356	2,80%
Công ty cổ phần Đồng Xuân	Khai thác, cho thuê mặt bằng kinh doanh tại chợ Đồng Xuân	50.000	5.000	10,00%
Công ty cổ phần dịch vụ thẻ Smartlink	Dịch vụ thẻ	50.000	2.150	4,3%
Công ty cổ phần truyền hình cáp STV	Truyền thông, quảng cáo	30.000	1.500	5,00%
Công ty cổ phần đầu tư PCB	Cung cấp thông tin tín dụng	50.000	3.181	6,36%
Trung tâm đào tạo nghiệp vụ	Đào tạo nghiệp vụ ngân	7.203	371	5,15%

ngân hàng (BTC)	hàng			
Công ty cổ phần INTRACO	Thương mại	3.260	21	0,004%
Tổng cộng			**48.579**	

(Nguồn: Phòng tài Chính – Kế toán VPBank)

Tổng các khoản đầu tư dài hạn (góp vốn vào các công ty con và góp vốn mua cổ phần của các doanh nghiệp khác) tại thời điểm 30/09/2010 là 568.579 triệu đồng, chiếm 19,73% trên vốn điều lệ và các quỹ của VPBank và chiếm 1,64% tổng tài sản có của VPBank.

Các khoản đầu tư dài hạn của Ngân hàng chủ yếu là vào các lĩnh vực hỗ trợ cho hoạt động của VPBank như đào tạo nghiệp vụ Ngân hàng, dịch vụ thẻ, thông tin tín dụng tư nhân, bảo hiểm phi nhân thọ…Các khoản đầu tư này đều ít rủi ro và có mức sinh lời ổn định.

Ngoài ra, VPBank cũng dùng 9,65% tổng tài sản có để đầu tư vào trái phiếu chính phủ, trái phiếu được chính phủ bảo lãnh hoặc trái phiếu của các tổ chức lớn có uy tín nhằm tăng khả năng sinh lời cho vốn dự trữ và đa dạng hóa danh mục đầu tư. Chi tiết chứng khoán đầu tư của VPBank như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

Chứng khoán đầu tư	**31/12/2008**	**31/12/2009**	**30/09/2010**
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	1.683.777	2.291.943	3.339.667
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	-	-	
Tổng Chứng khoán đầu tư	**1.683.777**	**2.291.943**	**5.191.902**

Nguồn: báo cáo tài chính kiểm toán 2008, 2009 và báo cáo tài chính 30/09/2010

Các khoản đầu tư đều được VPBank trích lập dự phòng rủi ro đầy đủ theo quy định.

8.1.2.3. Các chỉ tiêu về đảm bảo an toàn

Các chỉ tiêu đảm bảo an toàn trong hoạt động của Ngân hàng theo quy định tại Thông tư số 13/2010/TT-NHNN ngày 20/05/2010 thay thế cho quyết định số 457/2005/QĐ-NHNN bao gồm:

- Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu
- Giới hạn tín dụng
- Tỷ lệ khả năng chi trả
- Giới hạn góp vốn mua của phần
- Tỷ lệ cấp tín dụng so với nguồn vốn huy động.

Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu

Theo Quyết định số 457/2005/QĐ-NHNN của Ngân hàng Nhà nước về việc ban hành "Quy định về các tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng" ngày 15 tháng 5 năm 2005; Quyết định số 03/2007/QĐ-NHNN ngày 19 tháng 01 năm 2007; Quyết định số 34/2008/QĐ-NHNN ngày 05 tháng 12 năm 2008 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định về các tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng ban hành kèm theo

quyết định số 457/2005/QĐ-NHNN ngày 19 tháng 04 năm 2005 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, các tổ chức tín dụng, trừ chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải duy trì tỷ lệ tối thiểu 8% giữa vốn tự có so với tổng tài sản "Có" rủi ro. Việc tăng cường năng lực vốn trong thời gian qua và chất lượng tài sản tăng lên đã làm cho tỷ lệ an toàn vốn (CAR) của VPBank luôn luôn được duy trì ở mức tốt. Ngày 20 tháng 5 năm 2010, Ngân hàng Nhà nước đã ban hành Thông tư số 13/2010/TT-NHNN thay thế Quyết định số 457/2005/QĐ-NHNN và sẽ có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 10 năm 2010. Theo đó, tỷ lệ này được điều chỉnh tăng lên 9%.

Tỷ lệ an toàn vốn của VPBank được thể hiện trong bảng sau:

Chỉ tiêu	Quy định	31/12/2008	31/12/2009	30/09/2010
Tỷ lệ an toàn vốn	> 8%	19,54%	15%	15,05%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2008, 2009, phòng Kế hoạch Tổng hợp VPBank

Tỷ lệ khả năng chi trả

Chỉ tiêu	Quy định	31/12/2008	31/12/2009	30/09/2010
Khả năng chi trả cho ngày hôm sau	> 15%	386%	423%	468%
Khả năng chi trả cho 7 ngày sau	> 100%	-	-	131%
Khả năng chi trả cho 30 ngày sau	-	-	-	50%

Nguồn: Phòng Kế hoạch – Tổng hợp VPBank.

Khả năng chi trả cho 7 ngày sau và 30 ngày sau được bắt đầu tính toán từ 30/06/2010 để chuẩn bị cho việc báo cáo theo quy định tại thông tư số 13/2010/TT-NHNN. Năm 2008 và 2009 chỉ áp dụng việc tính tỷ lệ khả năng chi trả cho ngày hôm sau.

Tỷ lệ cấp tín dụng so với nguồn huy động

Trước khi thông tư số 13/2010/TT-NHNN ra đời, các ngân hàng quản trị rủi ro tín dụng bằng tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn sử dụng để cho vay trung và dài hạn, VPBank luôn tuân thủ giới hạn về tỷ lệ này. Tỷ lệ cấp tín dụng so với nguồn huy động của VPBank qua các năm như sau:

Chỉ tiêu	Tiêu chuẩn	31/12/2008	31/12/2009	30/09/2010
Tỷ lệ cấp tín dụng từ nguồn huy động	< 80%	77,25%	60,95%	69,18%

Nguồn: Phòng Kế hoạch – Tổng hợp VPBank

Giới hạn góp vốn, mua cổ phần

Góp vốn, mua cổ phần là việc VPBank dùng Vốn điều lệ và quỹ dự trữ để góp vốn cấu thành Vốn điều lệ, mua cổ phần của các doanh nghiệp khác hoặc cấp vốn cho các công ty trực thuộc. Báo cáo tình hình sở hữu cổ phần của VPBank tại thời điểm 30/09/2010 như sau:

Đơn vị tính: nghìn đồng

	Số vốn góp của VPBank	VĐL của doanh nghiệp	Tỷ lệ vốn góp/VĐL doanh nghiệp	Tỷ lệ tối đa theo QĐ của NHNN
Góp vốn vào các Công ty con	**52.000.000**	**52.000.000**		
Công ty TNHH quản lý tài sản VPBank	2.000.000	2.000.000	100%	-
Công ty TNHH Chứng khoán VPBank	50.000.000	50.000.000	100%	-
Góp vốn vào các doanh nghiệp khác	**4.858.021**	**63.344.042**		
Công ty INTRACO	2.100	326.000	0,64%	11%
Công ty cổ phần Đồng Xuân	500.000	5.000.000	10,00%	11%
Công ty CP Đào tạo và tư vấn nghiệp vụ Ngân hàng (BTC)	37.131	720.343	5,15%	11%
Công ty CP Ngoại thương và phát triển đầu tư Tp Hồ Chí Minh (Fideco)	1.535.608	14.297.699	10,74%	11%
Công ty CP dịch vụ thẻ Smart Link	215.000	5.000.000	4,30%	11%
Công ty cổ phần bảo hiểm Quân đội (MIC)	2.100.000	30.000.000	7,00%	11%
Công ty cổ phần đầu tư PCB	318.182	5.000.000	6,36%	11%
Công ty cổ phần truyền hình cáp STV	150.000	3.000.000	5,00%	11%
Vốn điều lệ và các quỹ dự trữ của VPBank		**2.882.506.898.710**		
Tỷ lệ vốn góp của VPBank trong các Công ty trực thuộc			18,04%	25%
Tỷ lệ vốn góp của VPBank trong các Công ty trực thuộc và các doanh nghiệp khác			19,73%	40%

Trong quá trình hoạt động, VPBank luôn tuân thủ các tỷ lệ an toàn và các giới hạn về sở hữu cổ phần theo quy định của NHNN. Việc tuân thủ các chỉ tiêu về đảm bảo an toàn không chỉ nhằm đáp ứng yêu cầu của Ngân hàng nhà nước mà còn giúp VPBank quản trị rủi ro hiệu quả hơn. Do đó, VPBank đã xây dựng hệ thống phần mềm tính toán các chỉ tiêu an toàn hằng ngày để cảnh báo sớm rủi ro hoạt động

8.2 Những yếu tố ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của VPBank năm 2009

8.2.1 Bối cảnh chung của Kinh tế Việt Nam

Bước vào năm 2009, nền kinh tế nước ta tiếp tục gặp nhiều khó khăn, thách thức. Tốc độ tăng trưởng kinh tế tuy đã tăng lên, vượt qua giai đoạn suy giảm, nhưng tăng trưởng kinh tế chủ yếu dựa vào phát triển theo chiều rộng, tăng khối lượng các nguồn lực, nhất là tăng vốn đầu tư, chưa thực sự dựa trên cơ sở tăng năng suất lao động xã hội và nâng cao hiệu quả nên tăng trưởng chưa thật vững chắc, chất lượng và hiệu quả tăng trưởng chưa cao. Tỷ lệ đầu tư so với GDP năm 2008 là 41,3%; năm 2009 là 42,8%, nhưng tốc độ tăng GDP hai năm chỉ đạt 6,18% và 5,32% là chưa tương xứng. Khả năng cạnh tranh của nền kinh tế và của nhiều ngành, nhiều sản phẩm còn thấp.

Các cân đối kinh tế vĩ mô chưa thật vững chắc. Mức thâm hụt ngân sách tuy đã được khống chế, nhưng đã lên tới 7% GDP; nhập siêu hàng hoá năm 2009 tuy đã giảm 32,1% so với năm 2008, nhưng vẫn bằng 21,6% tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hoá; nhập siêu dịch vụ bằng 18,6% kim ngạch xuất khẩu dịch vụ và tăng 17% so với năm 2008. Lạm phát trong năm tuy được khống chế ở mức hợp lý, nhưng nhìn chung giá cả ngày càng tăng và đang tiềm ẩn nhiều yếu tố có thể gây tái lạm phát cao.

Khái quát lại, năm 2009 nền kinh tế chịu tác động tiêu cực từ hai phía. Cùng với những khó khăn do kinh tế thế giới suy thoái, thu hẹp đáng kể thị trường xuất khẩu, thị trường vốn, thị trường lao động thì bão lũ xảy ra liên tiếp, dịch bệnh bùng phát ở nhiều địa phương. Trong bối cảnh đó, kinh tế nước ta vẫn đạt mức tăng trưởng 5,32%, vượt mục tiêu đề ra và đứng vào hàng các nền kinh tế có tốc độ tăng trưởng cao của khu vực và trên thế giới. Mặc dù còn nhiều hạn chế, bất cập, nhưng những kết quả đạt được của năm 2009 đã khẳng định nền kinh tế nước ta đã qua giai đoạn khó khăn nhất.

8.2.2 Bối cảnh chung của Ngành Ngân hàng Việt Nam

Thực hiện nghị quyết của Chính phủ về ngăn chặn suy thoái kinh tế, ổn định kinh tế vĩ môi, kích cầu đầu tư, tiêu dùng…ngăn ngừa lạm phát và đảm bảo an toàn hệ thống, Ngân hàng Nhà nước đã điều hành chính sách tiền tệ theo hướng nới lỏng thận trọng và hỗ trợ thanh khoản. Điều này ảnh hưởng tới tốc độ tăng trưởng hoạt động của VPBank và hệ thống các tổ chức tín dụng.

Ngân hàng Nhà nước bằng các chính sách điều chỉnh lãi suất cơ bản từ 8,5% xuống 7%/năm, giảm lãi suất tái cấp vốn từ 9,5%/năm xuống còn 7%/năm, lãi suất tái chiếu khấu giảm từ 7,5%/năm xuống 5%/năm từ tháng 2/2009 đã làm giảm mặt bằng lãi suất huy động của các ngân hàng và giảm lãi suất cho vay. Việc lãi suất giảm đã làm giảm sức hấp dẫn của kênh tiền gửi so với các loại hình đầu tư khác và ảnh hưởng tới doanh số huy động của VPBank và hệ thống các ngân hàng. Mặt khác, tốc độ tăng của nguồn huy động vốn của các TCTD thường thấp hơn tốc độ tăng trưởng dư nợ tín dụng gây khó khăn cho các Ngân hàng trong việc cân đối vốn. Ngoài ra, lãi suất dự trữ bắt buộc giảm từ 8,5%/năm xuống còn 1,2%/năm cũng ảnh hưởng đáng kể tới nguồn thu của ngân hàng.

Biên độ ấn định tỷ giá mua bán USD/VND cũng liên tục thay đổi, đầu năm biên độ này được tăng từ ± 3% lên ± 5%, đến cuối tháng 11/2009 biên độ này lại được điều chỉnh giảm xuống ± 3% đồng thời điều chỉnh tỷ giá bình quân liên ngân hàng tăng thêm 5,4%. Do thị trường ngoại hối, cán cân thanh toán quốc tế diễn biến không thuận lợi nhất là vấn đề cung cầu ngoại tệ và do những sự thay đổi này bất ngờ ngoài khả năng dự đoán nên ảnh hưởng lớn đến hoạt động kinh doanh ngoại tệ của VPBank.

Thực tế là trong năm 2009 hoạt động tài chính của các ngân hàng đã gặp nhiều khó khăn. Dư nợ tín dụng thực tế của cả năm ước chỉ tăng thấp so với năm ngoái. VPBank là ngân hàng có tốc độ tăng trưởng tín dụng cao nhưng tính an toàn và hiệu quả của hoạt động tín dụng luôn được đảm bảo. Trong nhiều năm qua, tỷ lệ nợ xấu trên tổng dư nợ dưới 2%, mặc dù cuối năm 2008 tỷ lệ này có tăng lên mức 3,41% trên tổng dư nợ do ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế.

Tuy nhiên đến hết năm 2009 tỷ lệ này giảm đáng kể xuống còn 1,61%, thấp hơn tỷ lệ quy định của Ngân hàng Nhà nước (dưới 5%).

Nền kinh tế Việt Nam từ cuối quý 1 năm 2009 đã có những dấu hiệu phục hồi, tuy nhiên điều này không có nghĩa là nền kinh tế thị trường sẽ trở nên thuận lợi cho các tổ chức tài chính dễ dàng phát triển. VPBank xác định nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2009 vẫn là củng cố chất lượng tín dụng, kiểm soát chặt các khoản vay mới, tích cực xử lý nợ xấu, phát triển các hoạt động dịch vụ để tăng các khoản thu ngoài lãi, trong đó ưu tiên phát triển các hoạt động dịch vụ.

9. Vị thế của VPBank so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

9.1 Vị thế của VPBank trong ngành

Ưu thế

Bắt đầu hoạt động từ năm 1993, trải qua gần 17 năm hoạt động, VPBank đã dần khẳng định vị thế của mình, liên tục lọt vào Top 20 Ngân hàng lớn nhất Việt Nam. Trong năm 2009, tổng Doanh thu của Top 20 Ngân hàng lớn nhất Việt Nam là 171 nghìn tỷ đồng, trung bình Doanh thu của một Ngân hàng đạt 8,5 nghìn tỷ đồng, VPBank đứng thứ 17. Theo xếp hạng của VNR500, trong tổng số 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam năm 2009, VPBank đứng ở vị trí thứ 26.

VPBank là tổ chức tín dụng có nền tảng tương đối tốt ở bốn khía cạnh: Mạng lưới rộng với mạng lưới chi nhánh, phòng giao dịch rộng khắp toàn quốc; thương hiệu được biết đến; đã ứng dụng hệ thống ngân hàng lõi **(core banking)** và không có các khoản thua lỗ. Đến 31 tháng 12 năm 2009, ngân hàng có tổng tài sản 27.543 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế hợp nhất năm 2009 là 383 tỷ đồng, nợ xấu chiếm 1,63% tổng dư nợ.

Về năng lực tài chính: Vốn điều lệ của VPBank hiện nay là 2.456,5 tỷ đồng và đã được đại hội đồng cổ đông VPBANK thông qua kế hoạch tăng vốn điều lệ lên 4.000 tỉ đồng vào cuối năm 2010.

Về mạng lưới hoạt động: Với mạng lưới 134 Chi nhánh và Phòng giao dịch trên toàn quốc, có 550 Đại lý chi trả của Trung tâm chuyển tiền nhanh VPBank – Western Union, VPBank có điều kiện thuận lợi trong việc mở rộng và phát triển thị trường, tiếp cận với khách hàng mới và triển khai các nghiệp vụ ngân hàng bán lẻ. Ngoài ra, VPBank còn có mạng lưới ngân hàng đại lý của nhiều ngân hàng và tổ chức tài chính thuộc 32 quốc gia trên thế giới như Ngân hàng Union Bank, The Bank of New York, Citibank, Wachovia của Mỹ...

Về quy mô hoạt động kinh doanh: Tính đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2009, tổng nguồn vốn huy động đạt trên 24.128 tỷ đồng; trong đó huy động từ thị trường 1 khoảng 68,33%, Các khoản tiền gửi của Khách hàng đạt trên 16.489 tỷ đồng, tăng 5,87% so với năm 2008. Cho vay Khách hàng đạt trên 15.682 tỷ đồng, tăng 21,53% so với năm 2008.

Về bộ máy quản trị, điều hành: Để đảm bảo khả năng quản trị Ngân hàng trong giai đoạn sắp tới, VPBank đã liên kết với OCBC trong việc đào tạo các cán bộ lãnh đạo của Ngân hàng từ các cấp cao nhất đến đội ngũ nhân viên nghiệp vụ. VPBank cũng đang tiến hành nghiên cứu thay đổi bộ máy tổ chức (có sự tư vấn của chuyên gia nước ngoài) cho phù hợp với quy mô hoạt động ngày càng lớn của ngân hàng.

Từ năm 2006, Hội đồng Quản trị của VPBank đã có sự tham gia quản trị, điều hành của đại diện OCBC. Điều này thể hiện một bước đột phá trong quản trị và điều hành Ngân hàng bởi OCBC là một đối tác chiến lược có kinh nghiệm hàng trăm năm trong ngành ngân hàng. Việc OCBC cử người làm thành viên Hội đồng quản trị VPBank sẽ hỗ trợ VPBank trong vấn đề quản trị rủi ro, đào tạo nguồn nhân lực, nâng cao nghiệp vụ và phát triển theo định hướng ngân hàng bán lẻ mà OCBC đã rất thành công. Đại hội đồng cổ đông thường niên VPBank năm 2009 đã bầu ông Soon Tit Koon làm thành viên Hội đồng Quản trị VPBank.

VPBank cũng đã tổ chức lại bộ máy Kiểm toán nội bộ trước đây trực thuộc ban điều hành, nay chuyển sang trực thuộc Ban kiểm soát theo quy định của NHNN, nhằm bảo đảm tính độc lập của bộ máy kiểm toán nội bộ, góp phần phát hiện kịp thời các sai sót của ban điều hành trong quá trình hoạt động. Trong thời gian tới, VPBank có thể sẽ bầu bổ sung đại diện của OCBC vào Ban kiểm soát góp phần nâng cao chất lượng hoạt động của Ban kiểm soát VPBank.

Về hệ thống công nghệ thông tin: VPBank luôn xác định Công nghệ tiên tiến và quản trị thông tin có khoa học là cơ sở để tăng tốc và duy trì sức mạnh. Do đó, trong năm 2006, VPBank đã ký hợp đồng về chuyển giao công nghệ Core banking- T24 với Temenos. T24 Core Banking là công nghệ ngân hàng mới, hỗ trợ cho việc triển khai các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng hiện đại, đang được triển khai tại hơn 400 tổ chức tài chính ngân hàng trên thế giới.T24 Core Banking là 1 giải pháp mang tính tùy biến cao, sẽ cho phép VPBank nhanh chóng phát triển sản phẩm mới, kịp thời cải tiến các quy trình hiện có để đáp ứng nhu cầu thị trường. T24 có thể tự động hóa các lịch trình công việc, do vậy cho phép phản hồi nhanh các yêu cầu của khách hàng. Dựa trên T24, việc quản lý dữ liệu khách hàng, xây dựng các sản phẩm mới, tạo báo cáo về hoạt động ngân hàng… sẽ rất nhanh chóng và có hệ thống. Ngoài ra, hệ thống thẻ Way4 của Open Way, công nghệ thẻ chip theo chuẩn EMV, cùng hệ thống máy ATM hiện đại luôn đáp ứng tốt nhất các nhu cầu giao dịch thẻ của khách hàng.

Về hệ thống quản trị rủi ro: Vấn đề quản trị rủi ro luôn được VPBank quan tâm hàng đầu nhằm nâng cao chất lượng hoạt động và tránh được những sai lầm không đáng tiếc.

Cơ hội

Theo lộ trình gia nhập WTO, nền kinh tế Việt Nam đang từng bước hội nhập với nền kinh tế thế giới. Các định chế tài chính nói chung và các Ngân hàng nói riêng được tiếp cận với các định chế tài chính lớn trên thế giới, được tăng cường học hỏi, nâng cao trình độ quản trị điều hành và phát triển các dịch vụ, sản phẩm mới. Tuy nhiên, theo cam kết WTO sau giai đoạn năm 2010 - 2012, các ngân hàng nước ngoài không bị ràng buộc khi tham gia kinh doanh trên thị trường Việt Nam và trước đó khi đàm phán WTO, nhiều người dự báo trong năm 2010 - 2011 sẽ có nhiều ngân hàng con nước ngoài tham gia hoạt động. Nhưng thực tế, cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu đã xảy ra và với diễn biến thị trường hiện nay thì sự tham gia của ngân hàng con 100% vốn nước ngoài vào Việt Nam sẽ chậm lại, nên đây là cơ hội khác để các ngân hàng trong nước tăng tốc.

Bên cạnh đó, các chương trình kích cầu, các gói hỗ trợ doanh nghiệp của Chính phủ luôn được triển khai đồng loạt, mạnh mẽ và kịp thời, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp và Ngân hàng

đẩy mạnh tiến trình vay và cho vay nhiều hơn, phát triển các hoạt động về vốn trên thị trường vốn Việt Nam.

Thách thức

So với các Ngân hàng thuộc Top 20 Ngân hàng lớn nhất Việt Nam, VPBank vẫn là một Ngân hàng nhỏ. Trong khi Việt Nam đã hoàn thành tiến trình gia nhập WTO nên thị trường vốn sẽ có sự tham gia của nhiều tổ chức tài chính trên thế giới. Vì vậy, việc phải từng bước phát triển Ngân hàng theo hướng vững mạnh, vừa nâng cao vị thế với thị trường trong nước vừa cạnh tranh với thị trường mở rộng trong tương lai là một thách thức hết sức to lớn đối với VPBank.

Trong năm 2010, Chính phủ đã đưa ra thông điệp kiểm soát tăng trưởng tín dụng không vượt quá 25%, thấp hơn nhiều nếu so với con số 38 - 39% của năm 2009. Như vậy hoạt động của các Ngân hàng sẽ khó khăn hơn. Áp lực huy động vốn tiếp tục gia tăng dẫn đến hoạt động cho vay cũng phải hết sức cẩn trọng và chọn lọc khách hàng. Điều này, làm cho rất nhiều Ngân hàng trong đó có VPBank gặp nhiều khó khăn trong việc tăng trưởng thị phần.

Mặc dù còn nhiều thách thức trong thời gian tới, nhưng với những ưu thế đang có và sẽ tự tạo lập trong tương lai, VPBank đang từng bước khẳng định vị thế nhằm hướng tới mục tiêu: "Trở thành Ngân hàng bán lẻ hàng đầu Việt Nam".

9.2 Triển vọng phát triển của ngành

Tăng trưởng GDP của Việt Nam trong Quý I/2010 là 5,83%, Quý II/2010 là khoảng 6,2% - 6,4%. Để đạt mục tiêu 6,5% cả năm, Nhà nước sẽ có những chính sách hỗ trợ và thúc đẩy hoạt động kinh doanh sản xuất trong 6 tháng cuối năm. Nhu cầu vay vốn của các doanh nghiệp có khả năng sẽ gia tăng mạnh. Vì vậy nếu các ngân hàng biết tận dụng nhu cầu này thì sẽ tạo đà phát triển tốt cho hoạt động.

Thị trường tiền tệ - Ngân hàng Việt Nam ngày càng có sự cạnh tranh quyết liệt với việc hàng loạt các Ngân hàng mới được thành lập, sự xuất hiện nhiều của các Ngân hàng, nước ngoài. Ở thời điểm hiện tại, Việt Nam có 102 Ngân hàng, trong đó có 43 Ngân hàng nội địa. Cùng với chính sách mở cửa ngành ngân hàng khi gia nhập WTO, xu thế mua bán và sáp nhập ngân hàng (M&A) trong thời gian gần đây diễn ra rất mạnh mẽ trong lĩnh vực này. Các tổ chức tài chính, ngân hàng nước ngoài nhắm đến những NHTM cổ phần hoạt động hiệu quả trong nước để tham gia góp vốn, làm đối tác chiến lược. Điển hình là HSBC sở hữu 15% cổ phần của Techcombank.

Năm 2010, mục tiêu tăng trưởng tín dụng được đặt ra là 25%. Tuy nhiên, 6 tháng đầu năm 2010, tăng trưởng tín dụng chỉ đạt 10,52% so với thời điểm cuối năm 2009. Vì vậy, hạn mức tín dụng 6 tháng cuối năm 2010 là khá lớn. Mặc dù vậy, với chính sách thắt chặt tiền tệ thông qua lãi suất của NHNN, việc hoàn thành mục tiêu tăng trưởng tín dụng ở những tháng cuối năm 2010 không dễ thực hiện.

Cơ cấu thu nhập trong lĩnh vực ngân hàng trong những năm gần đây bắt đầu có sự chuyển dịch tích cực theo hướng giảm dần tỷ trọng thu nhập từ hoạt động tín dụng truyền thống và nâng cao dần tỷ trọng thu nhập từ các hoạt động, dịch vụ ngân hàng hiện đại khác. Sự chuyển dịch cơ cấu này phù hợp với xu hướng chung của các ngân hàng hiện đại: giảm đầu tư kinh

doanh trong lĩnh vực rủi ro cao, tăng thu từ hoạt động phi tín dụng, có tính bền vững cao và ít rủi ro hơn.

9.3 Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của VPBank với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung của thế giới

Trong những năm qua, VPBank đã đạt được nhiều Giải thưởng có uy tín trên thị trường tài chính và chứng tỏ được định hướng phát triển đúng đắn của mình:

- **Năm 2004**, VPBank nhận được giấy Chứng nhận Ngân hàng thanh toán xuất sắc do Union Bank - Mỹ trao tặng
- **Năm 2005**, Bằng khen của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước dành cho Tập thể lao động xuất sắc góp phần hoàn thành nhiệm vụ ngành Ngân hàng, Chứng nhận Ngân hàng thanh toán xuất sắc do The Bank of NewYork - Mỹ trao tặng, Cúp vàng nhãn hiệu nổi tiếng Quốc gia
- **Năm 2006**, Chứng nhận Ngân hàng có chất lượng hoạt động loại A do Ngân hàng nhà nước xếp hạng
- **Năm 2007,** Chứng nhận kỷ lục Guinness Việt Nam cho sản phẩm thẻ chip VPBank Platinum
- **Năm 2008,** Cúp vàng nhãn hiệu nổi tiếng Quốc gia
- **Năm 2009**, Thương hiệu chứng khoán uy tín, Đại lý Xuất sắc nhất Việt Nam về hiệu quả mạng lưới năm 2009 - Best in Productivity.

Trên cơ sở những thành công đã được sự ghi nhận của các tổ chức uy tín, VPBank vẫn tích cực đầu tư vào mạng lưới chi nhánh, công nghệ tin học, chú trọng phát triển các sản phẩm đang có lợi thế cạnh tranh như các sản phẩm thẻ, đại lý thanh toán cho các Ngân hàng khác trên thế giới để phát triển phù hợp với xu hướng phát triển ngành nói chung của Việt Nam và thế giới

Bên cạnh yếu tố tăng trưởng, VPBank cũng rất chú trọng vấn đề ổn định, an toàn và hiệu quả trong hoạt động. VPBank định hướng công tác quản trị và điều hành tiến đến các chuẩn mực quốc tế: tăng cường hợp tác với OCBC về đào tạo nguồn nhận lực có chất lượng cao, tích cực thay đổi các chính sách điều hành phù hợp với từng giai đoạn phát triển, chủ động đặt ra các kế hoạch kinh doanh hàng năm, dựa trên những kết quả trong năm cũ, những tác động kinh tế vĩ mô, những biến đổi được dự đoán là sẽ xảy ra trong năm tới. Những thay đổi đó cho thấy định hướng phát triển của VPBank hoàn toàn phù hợp với định hướng phát triển chung của ngành ở Việt Nam và xu thế chung của thế giới.

10. Chính sách đối với người lao động

10.1 Tổng số lượng cán bộ, nhân viên

Căn cứ vào quy mô phát triển mạng lưới, VPBank đã chủ động điều chỉnh quy mô nhân sự ở mức phù hợp nhằm đảm bảo hiệu quả nguồn nhân lực và thúc đẩy Cán bộ nhân viên tăng năng suất lao động. Tổng số lượng CBNV của VPBank qua các năm như sau:

Nguồn: Phòng Nhân sự - đào tạo *Đơn vị: CBNV*

Số lượng nhân viên	31/12/2008	31/12/2009	30/09/2010
Trình độ trên đại học	28	20	21
Trình độ đại học	2.082	1.823	2.052
Trình độ dưới đại học và các trường hợp khác	694	551	530
Tổng số lượng CBNV	**2.804**	**2.394**	**2.603**

10.2 Mức lương bình quân

VPBank chú trọng cải thiện chính sách tiền lương và chính sách phúc lợi của Ngân hàng cho cán bộ nhân viên theo chiều hướng kết hợp hài hòa giữa lợi ích người lao động và của Ngân hàng. Đặc biệt, công tác khen thưởng được đánh giá hàng quý, hàng năm, khuyến khích các cá nhân và đơn vị có kết quả làm việc xuất sắc và nâng cao ý chí phấn đấu của các cán bộ nhân viên khác. Mức lương bình quân của CBNV VPBank qua các năm như sau:

Năm 2009: 5.963.000 đồng/tháng.

Năm 2008: 5.250.000 đồng/tháng.

10.3 Chế độ lương, khen thưởng, phúc lợi:

Với quan điểm gắn đãi ngộ với thành tích công tác của CBNV, cùng với việc tăng lương cố định cho CBNV nhằm đảm bảo tính cạnh tranh trên thị trường hệ thống lương của VPBank được bổ sung thêm lương kinh doanh gắn với kết quả kinh doanh của ngân hàng và hiệu quả lao động của CBNV.

Ngoài ra, để nâng cao mức độ gắn bó của CBNV với ngân hàng và tăng phúc lợi cho CBNV, từ năm 2005 VPBank đã triển khai chương trình ESOP (chương trình phúc lợi cho nhân viên) cho CBNV của Ngân hàng. Những nhân viên đáp ứng các tiêu chí về vị trí, thời gian làm việc tại VPBank sẽ được mua cổ phần ưu đãi với giá phát hành bằng mệnh giá theo tỷ lệ trên tổng thu nhập hàng tháng. Chương trình này đã được triển khai được hơn 5 năm và đã góp phần nâng cao thu nhập cho những người có đóng góp vào sự thành công của VPBank. Trong thời gian tới, hệ thống đãi ngộ sẽ tiếp tục được cải tiến nhằm kịp thời động viên và khích lệ những cá nhân và đơn vị có đóng góp quan trọng vào hiệu quả và kết quả hoạt động của Ngân hàng.

10.4 Hoạt động đào tạo

Với định hướng coi hoạt động đào tạo như một loại hình đầu tư và công cụ trọng yếu nhằm phát triển nguồn nhân lực; cùng với việc tận dụng tối đa lực lượng giảng viên nội bộ kết hợp với xử dụng dịch vụ đào tạo của các đối tác chuyên nghiệp bên ngoài cũng như sự hỗ trợ hiệu quả từ đối tác chiến lược OCBC (cử cán bộ VPBank qua học tập tại OCBC và cử chuyên gia OCBC qua đào tạo cho CBNV VPBank), số lượng các khóa đào tạo và ngân sách đào tạo gia tăng theo các năm. Năm 2010 dự kiến Ngân hàng sẽ dành 3.5 tỷ đồng cho hoạt động đào tạo với khoảng 3000 lượt CBNV được tham gia đào tạo.

Một số chỉ tiêu về hoạt động đào tạo của VPBank như sau:

Đào tạo	31/12/2008	31/12/2009	30/09/2010
Tổng số khóa học	42	42	107

Tổng số lượt CBNV được tham gia đào tạo	2.040	800	2.686
Tổng ngân sách cho đào tạo (VND)	123.150.000	842.070.622	1.750.762.603

Nguồn: Phòng Nhân sự - Đào tạo VPBank

11. Chính sách cổ tức

Việc chi trả cổ tức của VPBank được thực hiện dựa trên nhiều yếu tố như: kết quả hoạt động kinh doanh của Ngân hàng; quyết định của Đại hội đồng cổ đông; hế hoạch kinh doanh của Ngân hàng. Từ năm 2004 đến nay VPBank đều đặn trả cổ tức bằng tiền cho các cổ đông với tỷ lệ cổ tức bình quân là 12%/năm. Nghị quyết đại hội đồng cổ đông VPBank năm 2010 cũng đã thống nhất cổ tức dự kiến là 14%.

12. Tình hình tài chính

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của VPBank trong năm 2008, 2009, và 9 tháng năm 2010:

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2008	31/12/2009	30/09/2010
Quy mô vốn			
Vốn điều lệ	2.117.474	2.117.474	2.456.528
Tổng tài sản	18.647.630	27.543.006	34.603.642
Tỷ lệ an toàn vốn	19,54%	15%	15,05%
Kết quả hoạt động kinh doanh			
Nguồn vốn huy động	15.608.926	24.128.125	27.109.511
Dư nợ cho vay	12.985.928	15.813.269	20.945.197
Nợ quá hạn	939.000	462.000	683.621
Nợ khó đòi	442.427	257.722	288.202
Hệ số sử dụng vốn			
Tỷ lệ LN sau thuế/Vốn điều lệ bình quân	6,73%	11,98%	14,03%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	0,765%	1,27%	0,99%
Tỷ lệ nợ quá hạn / Tổng dư nợ	7,23%	2,92%	3,26%
Tỷ lệ nợ xấu (1)/Tổng dư nợ (%)	3,41%	1,63%	1,38%
Khả năng thanh khoản			
Khả năng thanh toán ngay (2)	386%	423%	468%
Khả năng thanh toán chung (2)	-	106%	131%

Nguồn: BCTC đã được kiểm toán năm 2008, 2009, BCTC 30/09/2010

(1) Ghi chú:

Nợ quá hạn và nợ xấu: theo Quyết định số 292/QĐ-NHNN.

Nợ quá hạn: theo Quyết định số 783/2006/QĐ-NHNN ngày 31/05/2006 về việc sửa đổi bổ sung Khoản 6 Điều 1 của quyết định số 127/2006/QĐ-NHNN ngày 03/02/2006 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Quy chế cho vay của TCTD đối với khách hàng ban hành theo Quyết định số 1627/2001/ QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

Nợ khó đòi (nợ xấu): là tổng dư nợ thuộc các nhóm từ nhóm 3 đến 5 theo Quyết định số 493/2006/QĐ-NHNN ngày 22/4/2006.

Nợ quá hạn = nợ cần chú ý + nợ dưới tiêu chuẩn + nợ nghi ngờ + nợ có khả năng mất vốn.

Nợ khó đòi = nợ dưới tiêu chuẩn + nợ nghi ngờ + nợ có khả năng mất vốn.

(2) Khả năng thanh toán ngay = $\frac{\text{Tài sản có có thể thanh toán ngay (01 ngày)}}{\text{tài sản nợ đến hạn thanh toán ngay (01 ngày)}}$

(2) Khả năng thanh toán chung = $\frac{\text{Tổng dư nợ cho vay trung và dài hạn}}{\text{Tổng nguồn vốn dùng để cho vay trung và dài hạn}}$

13. Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng

13.1 Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị do các cổ đông của VPBank bầu tại cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông. Tính tới ngày có Bản cáo bạch này, tên của các thành viên Hội đồng Quản trị được nêu dưới đây:

Họ tên	**Chức vụ**
Ông Ngô Chí Dũng	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Bùi Hải Quân	Phó chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Lô Bằng Giang	Phó chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Trần Trọng Kiên	Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập
Ông Soon Tit Koon	Thành viên Hội đồng Quản trị

Chi tiết thêm về các thành viên của Hội đồng Quản trị được cung cấp dưới đây:

Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị

Họ và tên: Ngô Chí Dũng

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 25/09/1968

Nguyên quán: Bắc Giang- Hà Bắc

Quốc tịch: Việt Nam.

Địa chỉ thường trú theo hộ khẩu: 11 Đường số 1 khu A Nam Thành Công, Hà Nội.

Địa chỉ cư trú hiện nay: Biệt thự số 39, số 10 Đặng Thai Mai, quận Tây Hồ , Hà Nội.

CMTND: số 012603070 cấp ngày 04/4/2003 tại Hà Nội

Quá trình công tác:

- 1996 - 2004: Cổ đông sáng lập & Thành viên HĐQT Ngân Hàng TMCP Quốc Tế
- 2005 - 2007: Giám đốc Công ty cổ phần đầu tư Liên Minh
- 2007 – 2009: Chủ tịch HĐQT Tập đoàn KBG(Liên Bang Nga)
- 2005- đến nay: Cộng tác viên Trung tâm KH và CN thông tin quốc tế tại LB Nga
- 8/2006- đến nay: Phó Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam
- 2007-đến 06/2010: Chủ tịch HĐQT Công ty CP Đầu Tư Liên Minh
- 2009-đến nay: Thành viên HĐQT Công ty chứng khoán Euro Capital
- 3/2010 đến nay: Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank)

Trình độ học vấn, nghiệp vụ chuyên môn, ngoại ngữ:

- Trình độ học vấn: Tiến sỹ Kinh tế
- Ngoại ngữ: Tiếng Nga, tiếng Anh

Quá trình học tập, đào tạo chuyên môn

- 1986-1987: Học dự bị đại học, Trường Đại học Ngoại ngữ Hà Nội
- 1987-1991: Đại học Kinh tế Quốc dân Kiev, nước Cộng Hòa Ucraina, Ngành kinh tế
- 1991-1993:Thực tập sinh, cộng tác viên khoa học trường Đại học KTQD Kiev, Ucraina

Chức vụ hiện nay tại các tổ chức:

- Thành viên HĐQT Công ty Chứng khoán Euro Capital
- Chủ tịch Hội đồng Quản trị VPBank

Tỷ lệ sở hữu tại VPBank: 505.390 cổ phần chiếm tỷ lệ 0,21% trên VĐL VPBank

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích ngân hàng: không

Số lượng cổ phiếu của những người có liên quan: 1.937.903 cổ phần chiếm tỷ lệ 0,79% trên VĐL VPBank.

Các khoản nợ với ngân hàng: không

Phó Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị

Họ và tên: Bùi Hải Quân

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 06/01/1968

Nguyên quán: Xã Hiền Quan, huyện Tam Thanh, tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

Quốc tịch: Việt Nam.

Địa chỉ thường trú theo hộ khẩu: Số 10 Lô 2B, Trung Yên, phố Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội.

Địa chỉ theo chứng minh nhân dân: Phòng 304 H1 Phương Mai, Quận Đống Đa, Hà Nội.

Địa chỉ cư trú hiện nay: Số 10 Lô 2B, Trung Yên, phố Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

CMTND: số 012191698 cấp ngày 18/01/1999 tại Hà Nội

Quá trình công tác:

- 1993-1998: Giám đốc Công ty TNHH Jashma, Kiev, Ucraina
- 1998-2000: Kinh doanh tự do – Hà Nội, Việt Nam
- 2000- đến nay: Giám đốc Công ty TNHH Thương mại Kỹ thuật Việt Hải
- 2006-2008: Thành viên Hội đồng Quản trị Ngân hàng VPBank
- 2008 - đến nay: Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị Ngân hàng VPBank
- 2007 - đến nay: Thành viên HĐQT Công ty cổ phần kỹ nghệ gỗ MDF Long Việt
- 2009 - đến nay: Thành viên HĐTV Công ty TNHH Hồng Hải

Trình độ học vấn, nghiệp vụ chuyên môn, ngoại ngữ:

- Trình độ học vấn: Tốt nghiệp đại học
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Ngoại ngữ: Tiếng Nga, tiếng Anh

Quá trình học tập, đào tạo chuyên môn

- 1986-1987: Học dự bị đại học Trường Đại học Ngoại ngữ Hà Nội
- 1987-1991: Ngành kinh tế Đại học Kinh tế Quốc dân Kiev, nước Cộng Hòa Ucraina.
- 1991-1993: Thực tập sinh, cộng tác viên trường Đại học KTQD Kiev, Ucraina

Chức vụ hiện nay tại các tổ chức:

- Giám đốc Công ty TNHH Thương mại Kỹ thuật Việt Hải.
- Thành viên HĐQT Công ty CP kỹ nghệ gỗ MDF Long Việt
- Thành viên HĐTV Công ty TNHH Hồng Hải
- Phó chủ tịch Hội đồng Quản trị VPBank.

Tỷ lệ sở hữu tại VPBank: 6.194.8526 cổ phần chiếm tỷ lệ 2,52% trên Vốn điều lệ VPBank

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích ngân hàng: không

Số lượng cổ phiếu của những người có liên quan: 6.989.983 cổ phần chiếm tỷ lệ 2,84% trên VĐL VPBank.

Các khoản nợ với ngân hàng: không

Phó Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị

Họ và tên: Lô Bằng Giang

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 30/9/1972

Nguyên quán: Cao Bằng

Quốc tịch: Việt Nam.

Địa chỉ thường trú theo hộ khẩu: 199 Đội Cấn, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội.

Địa chỉ cư trú hiện nay: 199 Đội Cấn, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội.

CMTND: số 145428018 cấp ngày 03/04/1975 tại Công an tỉnh Hưng Yên

Quá trình công tác:

- 1995 - 2000: Tổng Giám đốc Công ty Finman tại Ucraina
- 2000 - 2005: Trưởng đại diện Công ty INVESTLINK tại Ucraina
- 2005 - 2007: Chủ tịch HĐQT, TGĐ Công ty BKG Foods Ukraine tại Ucraina
- 2007- đến nay: Chủ tịch HĐQT Công t Green Food Ukraine
- 2008 - đến nay: Thành viên HĐQT Công ty thuỷ sản Hùng Vương Công ty Delta-Valley bt
- 2009 - đến nay: Trưởng ban kiểm soát NH Delta Bank, CH Ucraina
- 3/2010 đến nay: Thành viên HĐQT Ngân hàng VPBank

Trình độ học vấn, nghiệp vụ chuyên môn, ngoại ngữ:

- Trình độ học vấn: Thạc sỹ Kinh tế
- Ngoại ngữ: Tiếng Nga

Quá trình học tập, đào tạo chuyên môn

- 1997-2002: cử nhân Kinh tế doanh nghiệp Đại học tổng hợp hàng không quốc gia Kiev

Chức vụ hiện nay tại các tổ chức:

- Chủ tịch HĐQT Công ty Green Food Ukraine
- Thành viên HĐQT công ty cổ phần thuỷ sản Hùng Vương
- Thành viên HĐTV Công ty TNHH Delta-Valley bt
- Trưởng ban kiểm soát NH Delta Bank, CH Ucraina
- Phó Chủ tịch HĐQT VPBank.

Tỷ lệ sở hữu tại VPBank: 348.039 cổ phần chiếm tỷ lệ 0,14% trên vốn điều lệ VPBank

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích ngân hàng: không

Số lượng cổ phiếu của những người có liên quan: 210.954 cổ phần chiếm tỷ lệ ,0,86% trên VĐL VPBank.

Các khoản nợ với ngân hàng: không

Thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị

Họ và tên: Trần Trọng Kiên

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 11/02/1973

Nguyên quán: Vĩnh Phúc

Quốc tịch: Việt Nam.

Địa chỉ thường trú theo hộ khẩu: Số 2, ngách 25/35 Vũ Ngọc Phan, TP. Hà Nội.

Địa chỉ cư trú hiện nay: Số 2, ngách 25/35 Vũ Ngọc Phan, TP. Hà Nội.

CMTND: số 012528206 cấp ngày 22/09/2005 tại Hà Nội

Quá trình công tác:

- 1995-2001: Giám đốc Công ty TNHH Du lịch Ngân Hà
- 2001 - Đến nay: Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc Công ty cổ phần du lịch Thiên Minh
- 2005 - đến nay: Thành viên HĐQT Công ty liên doanh du lịch Intrepid Việt Nam
- 2006 - đến nay: Thành viên HĐTV Công ty TNHH du lịch Đống Đa, Thừa Thiên Huế
- 2007- nay: Chủ tịch HĐQT Công ty du lịch Thiên Minh, huyện Mai Châu, Hoà Bình
- 2009 - đến nay: Chủ tịch HĐTV Công ty Jetwing Indochina
- 3/2010 - đến nay: Thành viên HĐQT Ngân hàng VPBank
- 10/2010 - đến nay: Chủ tịch HĐTV Công ty quản lý và đầu tư khách sạn Victoria

Trình độ học vấn, nghiệp vụ chuyên môn, ngoại ngữ:

- Trình độ học vấn: Thạc sỹ Kinh tế
- Ngoại ngữ: Tiếng Pháp, tiếng Nga

Quá trình học tập, đào tạo chuyên môn

- 1989-1995: Bác sỹ đa khoa thực hành Trường đại học Y Hà Nội
- 1991-1994: Tiếng Anh Trường đại học sư phạm ngoại ngữ HN
- 2001-2003: Quản trị kinh doanh, tài chính Đại học tổng hợp Hawaii, Hoa Kỳ

Chức vụ hiện nay tại các tổ chức:

- Thành viên HĐQT Công ty liên doanh du lịch Interpid Việt Nam
- Thành viên HĐTV Công ty TNHH Du lịch Đống Đa
- Chủ tịch HĐQT Công ty CP du lịch Thiên Minh Hòa Bình, Mai Châu, Hoà Bình.
- Chủ tịch HĐTV Công ty Jetwing Indochina
- Chủ tịch HĐQT Công ty CP Thiên Minh
- Thành viên HĐQT độc lập của VPBank
- Chủ tịch HĐTV Công ty TNHH quản lý và đầu tư khách sạn Victoria Việt Nam.

Tỷ lệ sở hữu tại VPBank: 234.462 cổ phần chiếm 0,10% trên vốn điều lệ VPBank

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích ngân hàng: không

Số lượng cổ phiếu của những người có liên quan: không

Các khoản nợ với ngân hàng: không

Thành viên Hội Đồng Quản Trị

Họ và tên: Soon Tit Koon

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 25/02/1971

Quốc tịch: Singapore

Địa chỉ thường trú: 3 Jalan Membina # 11-06, Singapore 169480.

Địa chỉ cư trú hiện nay: 3 Jalan Membina # 11-06, Singapore 169480

Hộ chiếu: S0130631/F cấp ngày 16/1/2006 bởi Cục Hải Quan và Xuất Nhập cảnh Singapore.

Quá trình công tác:

- Hiện tại: Trưởng khối đầu tư tập đoàn OCBC Bank
- 2002-2008: Giám đốc tài chính OCBC Bank
- 2000-2002: Giám đốc tài chính Wilmar Holdings Pte Ltd
- 1983-2000: Giám đốc điều hành Citicorp Investment Bank Limtited (Singapore)

Trình độ học vấn, nghiệp vụ chuyên môn, ngoại ngữ:

- Thạc sỹ Trường Cao học kinh doanh thuộc trường Đại học Chicago
- Cử nhân Khoa học trường đại học Singapore
- Ngoại ngữ: tiếng Anh, Trung Quốc (Mandarin).

Đại diện sở hữu của OCBC tại VPBank: 36.541.435 cổ phần chiếm tỷ lệ 14,88% vốn điều lệ

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích ngân hàng: không

Số lượng cổ phiếu của những người có liên quan: không

Các khoản nợ với ngân hàng: không

13.2 Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát được các cổ đông của VPBank bầu tại Đại hội đồng cổ đông. Ban Kiểm soát giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ VPBank trong quản trị, điều hành VPBank; chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

Tên của các thành viên Ban Kiểm soát được nêu dưới đây:

Tên	**Chức vụ**
Bà Nguyễn Quỳnh Anh	Trưởng Ban Kiểm soát
Bà Trịnh Thị Thanh Hằng	Thành viên chuyên trách ban kiểm soát
Ông Vũ Hải Bằng	Thành viên Ban kiểm soát

Chi tiết thêm về các thành viên của Ban Kiểm Soát được cung cấp dưới đây:

Trưởng Ban Kiểm Soát

Họ và tên: Nguyễn Quỳnh Anh

Giới tính: Nữ

Ngày tháng năm sinh: 25/02/1971

Nguyên quán: Tràng Sơn, Đô Lương, Nghệ An

Quốc tịch: Việt Nam.

Địa chỉ thường trú hộ khẩu: 23/86/42 Tô Vĩnh Diện, Khương Trung, Thanh Xuân, Hà Nội.

Địa chỉ cư trú hiện nay: 23/86/42 Tô Vĩnh Diện, Khương Trung, Thanh Xuân, Hà Nội.

CMTND: số 011440178 cấp ngày 03/12/2007 tại Hà Nội

Quá trình công tác:

- 1995-2003: Phó tổng biên tập Toà soạn báo "Nhân Hoà" tờ báo của UB báo chí Nga
- 2003-2008: Kế toán, giám đốc tài chính Tập đoàn BeePack- Moscow, Nga
- 2009-2/2010: Tổng giám đốc Công ty CP Đầu tư Liên Minh
- 2008-3/2010: Thành viên chuyên trách Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam
- 2009-6/2010: Thành viên BKS Công ty chứng khoán Euro Capital
- 3/2010 đến nay: Trưởng ban kiểm soát Ngân hàng VPBank

Trình độ học vấn, nghiệp vụ chuyên môn, ngoại ngữ:

- Trình độ học vấn: Thạc sỹ khoa học Giáo dục, MiniMBA
- Ngoại ngữ: Tiếng Anh, tiếng Nga

Quá trình học tập, đào tạo chuyên môn

- 1988-1994: Tiếng Nga và văn học Trường sư phạm tổng hợp Lê Nin, Matxcova
- 2007-2008: Ngành cơ sở mô hình hệ thống Quản trị DN Trường quản lí cao cấp LBNga

Chức vụ hiện nay tại các tổ chức:

- Thành viên BKS công ty Chứng khoán Euro Capital
- Trưởng ban kiểm soát VPBank.

Tỷ lệ sở hữu tại VPBank: 580 cổ phần.

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích ngân hàng: không

Số lượng cổ phiếu của những người có liên quan: không

Các khoản nợ với ngân hàng: không

Thành viên chuyên trách Ban Kiểm Soát

Họ và tên: Trịnh Thị Thanh Hằng

Giới tính: Nữ

Ngày tháng năm sinh: 05/11/1976

Nguyên quán: Vinh, Nghệ An

Quốc tịch: Việt Nam.

Địa chỉ thường trú theo hộ khẩu: Số nhà 23,đường Giáp Bát, Quận Hoàng Mai, Hà Nội.

Địa chỉ theo chứng minh nhân dân: Số nhà 23,đường Giáp Bát, Quận Hoàng Mai, Hà Nội.

Địa chỉ cư trú hiện nay: Số nhà 23,đường Giáp Bát, Quận Hoàng Mai, Hà Nội.

CMTND: số 013103260 cấp ngày 01/07/2008 tại Hà Nội.

Quá trình công tác:

- 1998-1999: Giáo viên Trường THPT Hồng Bàng-Hà Nội
- 1999-2008: Chuyên viên Công nghệ thông tin Ngân hàng TMCP Quân đội
- Từ 2008 đến 3/2010: Chuyên viên tài chính Ngân hàng TMCP Quân đội
- Từ 3/2010 đến nay: Thành viên ban kiểm soát Ngân hàng Vpbank

Trình độ học vấn, nghiệp vụ chuyên môn, ngoại ngữ:

- Trình độ học vấn: Cử nhân khoa học,cử nhân kinh tế
- Ngoại ngữ: Tiếng Anh

Quá trình học tập, đào tạo chuyên môn

- 1994-1998: Công nghệ thông tin Trường đại học KHTN Đại học Quốc gia Hà Nội
- 2001-2004: Tài chính ngân hàng Trường đại học Kinh tế quốc dân

Tỷ lệ sở hữu tại VPBank: 0 cổ phần.

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích ngân hàng: không

Số lượng cổ phiếu của những người có liên quan: không

Các khoản nợ với ngân hàng: không

Thành viên Ban Kiểm Soát

Họ và tên: Vũ Hải Bằng

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 20/05/1967

Nguyên quán: Hà Nội

Quốc tịch: Việt Nam.

Địa chỉ thường trú theo hộ khẩu: 39/178 Tây Sơn, Đống Đa, Hà Nội.

Địa chỉ cư trú hiện nay: Số 8 D 4 Khu đô thị Nam Thăng Long, Ciputra, Hà Nội.

CMTND: 011214911 cấp ngày 28/03/2000 tại Hà Nội.

Quá trình công tác:

- 1992-1994: Liên doanh Nga – Việt Nam EUROASIA
- 1988-1993: Giám đốc Công ty ITT-ROSSI
- 05/1993 đến nay: Công ty TNHH sản xuất và kinh doanh tổng hợp Vĩnh Hà
- 2001 đến nay: Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Woodland
- 2001 đến nay: Thành viên Hội đồng Quản trịCông ty cổ phần NAVIFICO
- 1998-2002: Thành viên Hội đồng Quản trị Ngân hàng VPBank

- 2002 đến nay: Trưởng Ban kiểm soát Ngân hàng VPBank

Trình độ học vấn, nghiệp vụ chuyên môn, ngoại ngữ:

- Trình độ học vấn: Cử nhân Luật
- Ngoại ngữ: Tiếng Nga, Tiếng Anh

Quá trình học tập, đào tạo chuyên môn

- 1985-1986: Học dự bị tiếng Nga Đại học tổng hợp quốc gia Maxcova, LB Nga
- 1986-1991: Khoa Luật Đại học tổng hợp quốc gia Maxcova, LB Nga

Chức vụ hiện nay tại các tổ chức:

- Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Woodland
- Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần NAVIFICO
- Thành viên Ban kiểm soát VPbank.

Tỷ lệ sở hữu tại VPBank: 1.053.677 cổ phần chiếm tỷ lệ 0,43% trên Vốn điều lệ VPBank

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích ngân hàng: không

Số lượng cổ phiếu của những người có liên quan: không

Các khoản nợ với ngân hàng: không

13.3 Ban Điều hành

Ban Điều hành quản lý hoạt động kinh doanh hàng ngày của VPBank. Tên các thành viên Ban Điều hành được nêu dưới đây:

Tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Hưng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Minh Quỳnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phan Ngọc Hòa	Phó Tổng Giám đốc
Bà Dương Thị Thủy	Phó Tổng Giám đốc
Bà Dương Thị Thu Thủy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Howard Low	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Bích Thủy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Marek Hovorka	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Toàn Thắng	Kế toán trưởng

Chi tiết cụ thể về các thành viên tương ứng của Ban Điều hành được nêu dưới đây:

Tổng Giám Đốc

Họ và tên: Nguyễn Hưng

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 20/11/1966

Nguyên quán: Thanh Hoá

Quốc tịch: Việt Nam.

Địa chỉ thường trú theo hộ khẩu: 32 ngõ 41 tổ 78 dốc Bác Cổ, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Địa chỉ theo chứng minh nhân dân: 32 ngõ 41 tổ 78 dốc Bác Cổ, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Địa chỉ cư trú hiện nay: Nhà B2 ngách 376/12 đường Bưởi, Vĩnh Phúc, quận Ba Đình, Hà Nội.

CMTND: 011788626 Nơi cấp: Hà Nội ngày cấp: 12/04/2008.

Quá trình công tác:

- 1988-1990: kế toán, phụ trách giao dịch với ngân hàng và Kho bạc Nhà nước.
- 1991-1993: Nhân viên Phòng Kế toán, Ngân hàng Công thương Việt Nam
- 1993-1994: Trưởng phòng Kế toán giao dịch và Ngân quỹ - VPBank
- 1994-1996: Trưởng phòng Kế toán tài chính VPBank.
- 1996-1999: Phó Tổng giám đốc VPBank.
- 2000-2001: Chánh Văn Phòng Hội sở Techcombank
- 2001-2003: Phó Giám đốc Chi nhánh Techcombank Thăng Long
- 2003 đến tháng 5/2009: Giám đốc Chi nhánh Techcombank Đống
- 5/2009 đến nay: Tổng Giám đốc VPBank

Trình độ học vấn, nghiệp vụ chuyên môn, ngoại ngữ:

- Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh Trường NorthCentral University
- Cử nhân Học viện Ngân hàng, Hà Nội, Việt Nam.
- Tốt nghiệp Đại học Trường Cao cấp nghiệp vụ Ngân hàng, Hà Nội, Việt Nam
- Ngoại ngữ: Tiếng Anh, tiếng Pháp

Tỷ lệ sở hữu tại VPBank: 58.006 cổ phần chiếm tỷ lệ 0,02% vốn điều lệ.

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích ngân hàng: không

Số lượng cổ phiếu của những người có liên quan: không

Các khoản nợ với ngân hàng: không

Phó Tổng Giám Đốc

Họ và tên: Nguyễn Thanh Bình

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 25/05/1966

Nguyên quán: Thanh Hoá

Quốc tịch: Việt Nam.

Địa chỉ thường trú theo hộ khẩu: Phòng 1104 nơ 2 Bán đảo Linh Đàm, Hoàng Mai, Hà Nội.

Địa chỉ cư trú hiện nay: Phòng 1104 nơ 2 Bán đảo Linh Đàm, Hoàng Mai, Hà Nội.

CMTND: 011795731 do công an Hà Nội cấp ngày 16/06/1993.

Quá trình công tác:

- Năm 1994 - 1996: Nhân viên phòng Tín dụng Hội sở Ngân hàng VPBank
- 1996 – 2000: Phó phòng Tín dụng VPBank Hội sở VPBank
- 6/2000 - 4/2001: Phụ trách bộ phận Quản lý vốn, phòng Nghiên cứu & Phát triển
- 5/2001 - 02/2002: Trưởng phòng Tổng hợp & Quản lý chi nhánh VPBank
- 02/2002 đến nay: Phó Tổng Giám đốc VPBank

Trình độ học vấn, nghiệp vụ chuyên môn, ngoại ngữ:

- Tốt nghiệp Đại học kinh tế quốc dân - Hà Nội khoa Tài chính - Ngân hàng năm 1994.
- Tốt nghiệp khóa đào tạo sau đại học về kinh tế công của Chương trình Fulbright Việt Nam do Trường Đại học Harvard phối hợp với Đại học Kinh tế Hồ Chí Minh thực hiện.
- Ngoại ngữ: Tiếng Anh

Tỷ lệ sở hữu tại VPBank: 697.120 cổ phần chiếm tỷ lệ 0,28%.

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích ngân hàng: không

Số lượng cổ phiếu của những người có liên quan: không

Các khoản nợ với ngân hàng: không

Phó Tổng Giám Đốc

Họ và tên: Vũ Minh Quỳnh

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 19/12/1970

Nguyên quán: An Tảo - thị xã Hưng Yên - tỉnh Hưng Yên

Quốc tịch: Việt Nam.

Địa chỉ thường trú theo hộ khẩu: P56 Nhà A7 Tập thể Khương Thượng, Đống Đa, Hà Nội.

Địa chỉ cư trú hiện nay: P6 tầng 5 nhà G03 khu đô thị mới Nam Thăng Long, Tây Hồ, Hà Nội.

CMTND: 013122605 cấp ngày 26/11/2008 tại Công an Hà Nội.

Quá trình công tác:

- Tháng 5/1994 đến 6/1997: Nhân viên giao dịch VPBank
- Tháng 6/1997 đến 6/1999: Phó phòng giao dịch Cát Linh VPBank
- Tháng 6/1999 đến 5/2001: Chuyên viên phòng Kiểm tra kiểm toán nội bộ VPBank
- Từ 5/2001 đến 25/5/2007: Kế toán trưởng VPBank
- Từ 25/05/2007 đến nay: Phó Tổng giám đốc VPBank

Trình độ học vấn, nghiệp vụ chuyên môn, ngoại ngữ:

- 2004 đến 2007: Thạc sỹ Tài chính Ngân hàng - ĐH Kinh tế Quốc dân
- 1989 đến 1993: Cử nhân Tài chính Tín dụng Học viện Ngân hàng
- Ngoại ngữ: Tiếng Anh

Tỷ lệ sở hữu tại VPBank: 704.792 cổ phần chiếm tỷ lệ 0,29%.

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích ngân hàng: không

Số lượng cổ phiếu của những người có liên quan: không

Các khoản nợ với ngân hàng: không

Phó Tổng Giám Đốc

Họ và tên: Phan Ngọc Hòa

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 03/01/1971

Nguyên quán: xã Lợi Bình Nhơn, thị xã Tân An, tỉnh Long An

Quốc tịch: Việt Nam.

Địa chỉ thường trú theo hộ khẩu: 81A đường số 11, Tân Kiểng, quận 7, Tp Hồ Chí Minh.

Địa chỉ cư trú hiện nay: 81A đường số 11, phường Tân Kiểng, quận 7, Tp Hồ Chí Minh.

CMTND: số 023508471 do Công an Tp Hồ Chí Minh cấp ngày 03/01/2007.

Quá trình công tác:

- 08/1994 đến 9/1999: Nhân viên phòng tín dụng VPBank Chi nhánh Hồ Chí Minh
- 10/1999 đến 05/2001: Phó phòng tín dụng tiêu dùng VPBank Chi nhánh Hồ Chí Minh
- 05/2001 - 05/2004: Trưởng phòng phục vụ khách hàng VPBank Chi nhánh Hồ Chí Minh
- 05/2004 đến 12/2004: Phó Giám đốc VPBank Chi nhánh Hồ Chí Minh
- 01/2005 đến 08/2005: Phó Giám đốc Chi nhánh VPBank chi nhánh Sài Gòn
- 08/2006 đến tháng 2/2010: Giám đốc Chi nhánh VPBank chi nhánh Sài Gòn
- 2/2010: Phó Tổng Giám đốc VPBank

Trình độ học vấn, nghiệp vụ chuyên môn, ngoại ngữ:

- 1990 đến 1994: Cử nhân Tài chính Tín dụng Học viện Ngân hàng
- Ngoại ngữ: Tiếng Anh

Tỷ lệ sở hữu tại VPBank: 93.211 cổ phần chiếm tỷ lệ 0,02%

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích ngân hàng: không

Số lượng cổ phiếu của những người có liên quan: không

Các khoản nợ với ngân hàng: không

Phó Tổng Giám Đốc

Họ và tên: Dương Thị Thủy

Giới tính: Nữ

Ngày tháng năm sinh: 01/09/1972

Nguyên quán: Hà Bắc

Quốc tịch: Việt Nam.

Địa chỉ thường trú theo hộ khẩu: Số 4 Hoàng Diệu, Quán Thánh, Ba Đình Hà Nội.

Địa chỉ cư trú hiện nay: Số 12A26 ngõ 367 đường Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội.

CMTND: 012190593 do Công an Tp Hà Nội cấp ngày 01/02/1999.

Quá trình công tác:

- 1994 - 02/1996: Nhân viên Công ty TNHH Thiên Minh
- 02/1996-02/2001: Nhân viên phòng kế toán tin học VPBank
- 02/2001-08/2002: Quyền giám đốc Trung tâm tin học VPBank
- 08/2002-02/2008: Giám đốc Trung tâm tin học VPBank
- 02/2008 đến nay: Phó tổng giám đốc; Giám đốc trung tâm tin VPBank

Trình độ học vấn, nghiệp vụ chuyên môn, ngoại ngữ:

- 1989-1993: Cử nhân Điện tử tin học Trường đại học Tổng hợp Hà Nội
- 1999-2002: Công nghệ Điện tử Viễn thông Trường đại học Quốc gia
- 2007-2009: Thạc sỹ quản trị kinh doanh Trường đại học Columbia Sounther – Hoa Kỳ
- Ngoại ngữ: Tiếng Anh

Tỷ lệ sở hữu tại VPBank: 12.799 cổ phần

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích ngân hàng: không

Số lượng cổ phiếu của những người có liên quan: không

Các khoản nợ với ngân hàng: không

Phó Tổng Giám Đốc

Họ và tên: Dương Thị Thu Thủy

Giới tính: Nữ

Ngày tháng năm sinh: 04/03/1965

Nguyên quán: Phú Bình, Thái Nguyên

Quốc tịch: Việt Nam.

Địa chỉ thường trú theo hộ khẩu: C21 P405 Thanh Xuân Bắc, Thanh Xuân, Hà Nội.

Địa chỉ cư trú hiện nay: P301, A1, 229 Phố Vọng, Hai Bà Trưng, Hà Nội.

CMTND: số 011457185 ngày cấp: 23/11/2004 nơi cấp Hà Nội

Quá trình công tác:

- Từ: 1983 – 1988: sinh viên trường Cao cấp Nghiệp vụ Ngân hàng

- Từ: 1988 – 2002: Phó phòng Kế toán Tài chính Tổng công ty Xuất nhập Khẩu Nông sản và Thực phẩm chế biến
- Từ: 4/2002 – 2004: Trưởng phòng Phục vụ Khách hàng Doanh nghiệp VPBank Hội sở
- Từ: 12/2004 – 4/2009: Giám đốc VPBank Chi nhánh Hà Nội
- Từ: 4/2009: Phó Tổng Giám đốc VPBank, Kiêm Giám đốc VPBank Chi nhánh Hà Nội

Trình độ học vấn, nghiệp vụ chuyên môn, ngoại ngữ:

- 1989-1993: Cử nhân Tài chính Ngân hàng
- Ngoại ngữ: Tiếng Anh

Tỷ lệ sở hữu tại VPBank: 10.564 cổ phần

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích ngân hàng: không

Số lượng cổ phiếu của những người có liên quan: 4.793 cổ phần

Các khoản nợ với ngân hàng: không

Phó Tổng Giám Đốc

Họ và tên: Low Boon Keng Howard

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 15/08/1965

Quốc tịch: Singapore.

Địa chỉ thường trú: 53 Irrawaddy Road, #13-01, The Centrio, Singapore 329552.

Địa chỉ cư trú hiện nay: Frasers Suite 51 đường Xuân Diệu, Tây Hồ, Hà Nội

Hộ chiếu: E1554727F cấp ngày 15/12/2009 bởi Cục Hải Quan và Xuất Nhập cảnh Singapore.

Quá trình công tác:

- 1989 -1992: Chuyên viên Khách hàng, Dịch vụ Ngân hàng DBS Bank
- 1993- 1995: Chuyên viên Khách hàng Ngân hàng Royal Bank of Canada
- 1996 – 1997: Chuyên viên Khách hàng Cao cấp Ngân hàng Credit Agricole Indosuez
- 1998 – 2001: Trưởng nhóm Ngân hàng Keppel TatLee Bank
- 2003- 2006: Khối Ngân hàng Doanh nghiệp, Văn phòng Khối OCBC Bank
- 2007: Phòng Doanh nghiệp OCBC Bank
- 2008: Khối Nghiệp vụ Quốc tế OCBC Bank
- 2008 đến nay: Phó tổng giám đốc VPBank

Trình độ học vấn, nghiệp vụ chuyên môn, ngoại ngữ:

- Cử nhân Thương mại & Quản trị, Đại học Victoria của Wellington, New Zealand
- Cao đẳng Chuyên nghiệp Cao cấp Tâm lý Kinh doanh, Trường Southern Cross, Úc

Tỷ lệ sở hữu tại VPBank: 0 cổ phần

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích ngân hàng: không

Số lượng cổ phiếu của những người có liên quan: không

Các khoản nợ với ngân hàng: không

Phó Tổng Giám Đốc

Họ và tên: Nguyễn Thị Bích Thủy

Giới tính: Nữ

Ngày tháng năm sinh: 09/07/1973

Nguyên quán: Hà Bắc

Quốc tịch: Việt Nam.

Địa chỉ thường trú theo hộ khẩu: P213, tập thể Viện Công Nghệ, Láng Hạ, Hà Nội.

Địa chỉ cư trú hiện nay: P213, tập thể Viện Công Nghệ, Láng Hạ, Hà Nội.

CMTND: số 011676258 do Công an Tp Hà Nội 12/10/2006

Quá trình công tác:

- 7/1994 - 12/1995: Kế toán Công ty Xuất nhập khẩu Bắc Sơn
- 10/1996 - 9/2000: Phó phòng nguồn vốn Ngân hàng Châu Á Thái Bình Dương
- 10/2000 đến 5/2010: Phó tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội (Habubank)
- 5/2010 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng VPBank

Trình độ học vấn, nghiệp vụ chuyên môn, ngoại ngữ:

- Cử nhân Kế toán Đại học Kinh tế Quốc Dân
- Thạc sỹ Tài chính Ngân hàng Đại học Paris Daulphin & ESCP (CFVG)
- Ngoại ngữ: Tiếng Anh

Tỷ lệ sở hữu tại VPBank: 0 cổ phần

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích ngân hàng: không

Số lượng cổ phiếu của những người có liên quan: không

Các khoản nợ với ngân hàng: không

Phó Tổng Giám Đốc

Họ và tên: Marek Hovorka

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 12/03/1971

Quốc tịch : Cộng Hòa Czech

Địa chỉ thường trú theo hộ khẩu: Nad udolim 10, Praha 14700, Czech Republic.

Địa chỉ cư trú hiện nay: Apartment nr. 18-07, Sailing Tower, 51 Nguyen Thi Minh Khai, HCM

Hộ chiếu số 39456415, ngày cấp 25/11/2009 tại Cộng Hòa Czech

Quá trình công tác:

- 10/2010- hiện tại: Phó tổng giám đốc VPBank
- 12/2009-09/2010: Tổng giám đốc Delta Trade
- 2007-2009: Thành viên Hội đồng quản trị- Giám đốc phát triển kinh doanh Delta Bank
- 2006-2007: Giám đốc mảng tài chính cá nhân Raiffeisen Bank Aval
- 2005-2006: Phó giám đốc tài chính cá nhân Raiffeisen International Bank- Holding AG
- 1995-2005: Giám đốc vùng- mảng dịch vụ tài chính Boston Consulting Group (BCG)

Trình độ học vấn, nghiệp vụ chuyên môn, ngoại ngữ:

- Thạc sĩ ngành quản trị kinh doanh, năm 1995- Đại học Clemson, Mỹ
- Cử nhân khoa học ngành kinh doanh quốc tế Đại học Kinh tế, Cộng hòa Czech
- Cao đẳng nghiên cứu quản lý, năm 1992- Đại học Bradford, Anh
- Ngoại ngữ: Tiếng Anh, Czech

Tỷ lệ sở hữu tại VPBank: 0 cổ phần

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích ngân hàng: không

Số lượng cổ phiếu của những người có liên quan: không

Các khoản nợ với ngân hàng: không

Kế toán trưởng

Họ và tên: Nguyễn Toàn Thắng

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 03/02/1974

Nguyên quán: Hải Dương

Quốc tịch gốc: Việt Nam.

Quốc tịch hiện nay: Việt Nam.

Địa chỉ thường trú theo hộ khẩu: Số 8 ngách 93/2 phố Bùi Xương Trạch, Thanh Xuân, Hà Nội.

Địa chỉ cư trú hiện nay: Số 8 ngách 93/2 phố Bùi Xương Trạch, Thanh Xuân, Hà Nội.

CMTND: số 012198462 do Công an Hà Nội cấp ngày 21/03/1999

Quá trình công tác:

1995-1998: Nhân viên Tổng cục Đầu tư phát triển – Bộ tài chính

1998-2002: Kế toán trưởng Công ty TNHH Quốc tế LCM

2002 – 3/2009: Trưởng phòng kiểm toán nội bộ Ngân hàng VPBank

Từ 3/2009 đến nay: Kế toán trưởng VPBank

Trình độ học vấn, nghiệp vụ chuyên môn, ngoại ngữ:

- Cử nhân Tài chính Ngân hàng Đại học Kinh tế Quốc dân – Hà Nội

- Thạc sỹ Tài chính Ngân hàng (MEBF) Đại học Kinh tế quốc dân – Hà Nội

Tỷ lệ sở hữu tại VPBank: 0 cổ phần

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích ngân hàng: không

Số lượng cổ phiếu của những người có liên quan: không

Các khoản nợ với ngân hàng: không

14. Tài sản

14.1 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình tại thời điểm 30/09/2010 như sau:

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Giá trị
Nguyên giá	353.013
Giá trị hao mòn lũy kế	161.654
Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình	191.359

Nguồn: báo cáo tài chính 30/09/2010

Trong đó, biến động của tài sản cố định hữu hình trong 6 tháng đầu năm 2010 như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
Nguyên giá	60.831	41.563	54.172	125.397	69.616	352.119
Giá trị hao mòn lũy kế	9.982	11.521	25.885	73.631	28.815	149.834
Giá trị còn lại của TSCĐ						
Tại ngày đầu năm	53.342	31.731	32.762	60.946	44.747	223.528
Tại ngày cuối tháng	50.849	30.042	28.827	51.766	40.801	202.285

Nguồn: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán 6 tháng đầu năm 2010

Biến động của tài sản cố định hữu hình trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
Nguyên giá	61.468	41.586	55.114	121.561	68.334	348.063
Giá trị hao mòn lũy kế	8.126	9.855	22.352	60.615	23.587	124.535
Giá trị còn lại của TSCĐ						
Tại ngày đầu năm	51.805	39.584	40.394	84.891	50.111	266.785

Tại ngày cuối năm	53.342	31.731	32.762	60.946	44.747	223.528

Nguồn: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2009

Biến động của tài sản cố định hữu hình trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008 như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị dụng cụ quản lý	Phương tiện vận tải	TSCĐ khác	Tổng cộng
Nguyên giá	57.114	163.968	55.046	64.347	340.475
Giá trị hao mòn lũy kế	5.309	39.493	14.652	14.236	73.690
Giá trị còn lại của TSCĐ					
Tại ngày đầu năm	53.310	49.298	38.383	36.608	177.599
Tại ngày cuối năm	51.805	124.475	40.394	50.111	266.785

Nguồn: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2008

14.2 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định hữu hình tại thời điểm 30/09/2010 như sau:

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Giá trị
Nguyên giá	126.695
Giá trị hao mòn lũy kế	31.868
Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình	94.827

Nguồn: báo cáo tài chính 30/09/2010

Trong đó, biến động của tài sản cố định vô hình trong 6 tháng đầu năm 2010 như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ vô hình			
Số dư cuối năm	37.942	88.679	126.621
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư cuối năm	868	28.329	29.197
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	37.038	65.671	102.709
Tại ngày cuối tháng	37.074	60.350	97.424

Nguồn: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán 6 tháng đầu năm 2010

Biến động của tài sản cố định vô hình trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ vô hình			
Số dư cuối năm	37.906	88.679	126.585
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư cuối năm	868	23.008	23.876
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	37.038	64.212	101.250
Tại ngày cuối năm	37.038	64.212	101.250

Nguồn: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm2009

Biến động của tài sản cố định vô hình trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008 như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ vô hình			
Số dư cuối năm	37.906	77.251	115.157
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư cuối năm	868	13.039	13.907
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	32.891	59.926	92.817
Tại ngày cuối năm	37.038	64.212	101.250

Nguồn: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2008

15. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo

Mục tiêu của VPBank là phát triển bền vững xây dựng nền móng vững chắc tạo đà cho sự phát triển mạnh mẽ sau này. Căn cứ kế hoạch kinh doanh năm 2010, VPBank dự kiến một số chỉ tiêu kế hoạch như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2009(*)	Dự kiến năm 2010(**)	Tăng trưởng	
			Số tuyệt đối	% Tăng trưởng
Tổng tài sản	27.543.006	47.000.000	19.002.000	68%
Tổng dư nợ	15.813.269	23.000.000	7.187.000	47%
Cho vay các TCTD khác	0	0	0	0

Chỉ tiêu	Năm 2009(*)	Dự kiến năm 2010(**)	Tăng trưởng	
			Số tuyệt đối	% Tăng trưởng
Cho vay khách hàng	15.813.269	23.000.000	7.187.000	47%
Tỷ lệ khó đòi/Tổng dư nợ	1,63%	<2%		
Tổng huy động	24.128.125	40.090.000	15.095.000	60%
Huy động từ thị trường 1	16.489.544	33.490.000	17.000.000	103,09%
Huy động từ thị trường 2	7.476.782	6.600.000	-1.905.000	-22,39%
Vốn điều lệ	2.117.000	4.000.000	1.883.000	89%
Lợi nhuận trước thuế	382.632	650.000	268.000	70%
Lợi nhuận sau thuế	293.565	487.500	234.500	93%
Tỷ suất LNST trên VCSH bình quân (ROE)	11,98%	14,20%	2,27%	19%
Tỷ suất LNST trên tổng TS bình quân (ROA)	1,27%	1,30%	0,4%	44%
Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu	15%	> 9%		
Tỷ lệ khả năng chi trả 7 ngày sau	1,06 lần	>1 lần		
Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn đã sử dụng để cho vay trung và dài hạn	21,05%	< 30%		
Tỷ lệ cấp tín dụng so với nguồn vốn huy động	64,7%	<80%		
Tổng mức góp vốn, mua cổ phần	26,39%	<40%		

(*) Nguồn báo cáo kiểm toán hợp nhất năm 2009

(**) Nguồn kế hoạch kinh doanh năm 2010 được ĐHĐCĐ thông qua.

Theo Báo cáo 9 tháng 2010 thì Lợi nhuận sau thuế đạt 344,6 tỷ VNĐ và Ngân hàng tăng vốn từ 2.117,5 tỷ VNĐ lên 2.456,5 tỷ VNĐ trong tháng 9/2010, nên Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) của cả 9 tháng/2010 (trước khi tăng vốn) đạt khoảng 1.600VNĐ/cổ phiếu. Lợi nhuận sau thuế cả năm 2010 dự kiến 487,5 tỷ VNĐ và vốn điều lệ tăng lên 4.000 tỷ trong tháng 12/2010 nên EPS của 3 tháng cuối 2010 dự kiến khoảng 500VNĐ/Cổ phiếu. Như vậy, EPS dự kiến cả năm 2010 đạt 2.100VNĐ/cổ phiếu.

Cổ tức dự kiến đã được thông qua Đại hội đồng cổ đông năm 2010:

Chỉ tiêu	Năm 2009(*)	Dự kiến năm 2010(**)
Tỷ lệ cổ tức trên Vốn điều lệ bình quân	12%	14%

Nguồn: Nghị quyết đại hội đồng cổ đông năm 2010

16. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Năm 2010, mục tiêu tăng trưởng của hệ thống Ngân hàng năm tới được đặt trong sự tính toán theo môi trường kinh tế Việt Nam, đặc biệt là mục tiêu lợi nhuận được thực hiện theo hướng

thận trọng. Các Ngân hàng sẽ có xu thế chung: Đầu tư cho phát triển lâu dài, mở rộng quy mô vốn hóa, đa dạng các sản phẩm ngân hàng, phát triển các dịch vụ tài chính – ngân hàng – bảo hiểm; Nâng cao năng lực tài chính, chất lượng cũng như vị thế của Ngân hàng phục vụ cho mục đích phát triển lâu dài. Trước xu thế phát triển chung như vậy, VPBank đang thực hiện các kế hoạch khả thi nhất nhằm hoàn thành mục tiêu chiến lược của mình và phù hợp với xu thế mới. Trong Kế hoạch phát triển kinh doanh của VPBank đã đề ra mục tiêu năm 2010: tăng tổng tài sản lên 68% so với năm 2009, tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu trên 9%, tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn đã sử dụng để cho vay trung và dài hạn tăng lên gần 30%, tỷ lệ cấp tín dụng so với nguồn vốn huy động sẽ tăng lên gần 80%. Kế hoạch này được đánh giá là có khả quan vì trên thực tế, so với các Ngân hàng khác, VPBank sẽ ít bị ảnh hưởng bởi Thông tư 13/TT-NHNN hơn, do các chỉ tiêu về an toàn vốn tối thiểu, tỷ lệ cấp tín dụng so với nguồn vốn huy động nằm trong giới hạn được quy định tại thông tư.

Mặt khác, nền kinh tế Việt Nam trong những tháng cuối của năm 2010 được đánh giá có đà tăng trưởng vững chắc, ổn định. NHNN duy trì mức lãi suất cơ bản là 8%. Đây là các thông tin vĩ mô có tín hiệu tốt có khả năng là điều kiện hỗ trợ cho việc hoàn thành kế hoạch lợi nhuận của VPBank nói riêng và các ngân hàng nói chung. Sau khi phân tích dựa vào những thông tin thu thập được, nếu không có những biến động bất thường gây ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của VPBank, VPBS cho rằng việc hoàn thành kế hoạch lợi nhuận, chia cổ tức hoàn toàn có tính khả thi cao.

VPBS xin lưu ý rằng, nhận xét trên chỉ có giá trị tham khảo cho các nhà đầu tư. Các thông tin trình bày hoặc các nhận định nêu trên không hàm ý rằng VPBS đảm bảo giá trị cổ phiếu và kết quả đầu tư vào cổ phiếu này.

17. Thông tin về cam kết nhưng chưa thực hiện được của tổ chức phát hành

Trong quá trình hoạt động, Ngân hàng thực hiện công cụ tài chính liên quan đến các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán. Các công cụ tài chính này chủ yếu bao gồm các cam kết bảo lãnh, thư tín dụng và các cam kết cho vay chưa giải ngân…

Chi tiết các khoản công nợ tiềm ẩn và các cam kết vào ngày 30/09/2010 như sau:

Nguồn: báo cáo tài chính 30/09/2010 *Đơn vị tính: triệu đồng*

Chỉ tiêu	30/09/2010
Bảo lãnh vay vốn	1.125
Cam kết trong nghiệp vụ L/C	259.955
Bảo lãnh khác	400.204
Cam kết tài trợ cho khách hàng	-
Cam kết khác	2.292.240
Tổng cộng	**2.953.523**

18. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới VPBank mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu chào bán

Không có

V. CỔ PHIẾU CHÀO BÁN

1. Loại cổ phiếu Cổ phiếu phổ thông

2. Mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu

3. Tổng số cổ phiếu chào bán 154.347.115 cổ phiếu

4. Giá chào bán dự kiến: 14.000 đồng/cổ phiếu

5. Phương pháp tính giá

Phương pháp xác định giá chào bán: phương pháp so sánh Giá thị trường /Giá trị sổ sách (PB) của các ngân hàng đã niêm yết trên sàn chứng khoán. Tham chiếu Giá thị trường/Giá trị sổ sách (PB) của một số ngân hàng tại thời điểm 30/09/2010

Tên ngân hàng	Vốn chủ sở hữu (triệu VNĐ)	Số lượng cổ phiếu lưu hành (triệu)	Giá trị sổ sách/cổ phiếu (VND/CP)	Giá thị trường tại 30/09/2010	P/B
ACB- Ngân hàng Á Châu	9,964,717	781	12,753	28,500	2.23
SHB - Ngân hàng Sài Gòn Hà Nội	2,706,853	200	13,568	11,700	0.86
EIB - Ngân hàng Eximbank	13,763,689	1,056	13,034	17,900	1.37
STB- Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín	10,017,494	671	14,931	16,700	1.12
CTG - Ngân hàng Công Thương VN	13,298,728	1,126	11,807	18,900	1.60
Trung bình					**1.44**

Căn cứ vào Báo cáo tài chính 9 tháng /2010 và tỷ lệ chiết khấu 15% cho tính thanh khoản do cổ phiếu của VPBank là cổ phiếu OTC, giá cổ phiếu của VPBank được tính toán như sau:

	Số liệu	Đơn vị tính
Vốn chủ sở hữu	2,802,910	Triệu VNĐ
Số lượng cổ phiếu lưu hành	245.65	Triệu Cổ phiếu
Giá trị sổ sách/cổ phiếu	11,410	VNĐ/Cổ phiếu
PB tham chiếu	1.44	Lần
Giá cổ phiếu trước chiết khấu	16,407	VNĐ/Cổ phiếu
Tỷ lệ chiết khấu cho tính thanh khoản	15%	VNĐ/Cổ phiếu
Giá cổ phiếu dự kiến chào bán	**13,946**	**VNĐ/Cổ phiếu**

Giá cổ phiếu dự kiến chào bán theo tính toán là 13.946 VNĐ/Cổ phiếu và được làm tròn để thực hiện chào bán với giá là 14.000VNĐ/cổ phiếu.

6. Phương thức phân phối

Phát hành thêm chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ sở hữu cổ phần tại thời điểm chốt danh sách chào bán cổ phần.

7. Tỷ lệ phân phối 62,83%.

Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại thời điểm chốt danh sách cổ đông được quyền mua cổ phiếu theo tỷ lệ 100 : 62,83 (Cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu tại thời điểm chốt danh sách được mua thêm 62,83 cổ phiếu mới).

Số lượng cổ phần được mua sẽ được tính bằng số cổ phần sở hữu nhân với tỷ lệ phân phối và chỉ lấy phần nguyên, phần dư sẽ được cộng gộp vào số cổ phần không được mua hết của các cổ đông và do HĐQT quyết định phương thức xử lý.

8. Thời gian phân phối cổ phiếu

Dự kiến sẽ hoàn tất trong tháng 12/2010, cụ thể như sau:

STT	Nội dung	Thời gian dự kiến
1	Nhận giấy chứng nhận chào bán từ Ủy ban chứng khoán	T
2	Công bố thông tin Thông báo phát hành	T+3
3	Chốt danh sách	T+10
4	Đăng ký, chuyển quyền mua và nộp tiền	T+10 đến T+30
5	Chào bán số cổ phần không thực hiện quyền	T+30 đến T+35
6	Đăng ký vốn điều lệ mới	T+40
7	Báo cáo đợt phát hành lên UBCKNN	T+45

Thời gian tính theo ngày làm việc

9. Thời gian nộp tiền mua cổ phiếu

Thời hạn dự kiến: Chậm nhất 17h00 ngày 11/12/2010;

Số lượng: Bằng số lượng cổ phần được tính theo tỷ lệ sở hữu tại thời điểm chốt danh sách

Dự kiến sau 17h00 ngày 11/12/2010 số cổ phần mà cổ đông không nộp tiền mua thì số quyền mua tương ứng của cổ đông đó hết hiệu lực. Số cổ phần dự định phát hành không được cổ đông mua hết và phần dư sau khi phân phối sẽ do Hội đồng Quản trị quyết định phân phối lại theo cách thức hợp lý với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho cổ đông. Thời gian cụ thể theo thông báo của HĐQT VPBank.

10. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với nhà đầu tư nước ngoài:

Tại Điều 4 của Nghị định 69/2007/NĐ-CP ngày 20 tháng 04 năm 2007 của Chính phủ đã quy định cụ thể tổng mức sở hữu cổ phần của các nhà đầu tư nước ngoài và người có liên quan của các nhà đầu tư nước ngoài đó không vượt quá 30% vốn điều lệ của một ngân hàng Việt Nam. Mức sở hữu cổ phần của nhà đầu tư chiến lược nước ngoài và người có liên quan của nhà đầu tư chiến lược nước ngoài đó không vượt quá 15% vốn điều lệ của một ngân hàng Việt Nam.

Như vậy, do khối lượng cổ phần phát hành thêm được chào bán cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ sở hữu này nên tỷ lệ sở hữu sẽ không thay đổi nếu các cổ đông đều đăng ký mua theo đúng

tỷ lệ. Tuy nhiên, trong trường hợp số cổ phần mà cổ đông không thực hiện quyền mua thì sẽ được phân bổ lại thông báo của HĐQT trong giới hạn theo quy định nêu trên cho cổ đông nước ngoài.

11. Liên quan đến việc chuyển nhượng

Cổ phần phát hành thêm trong đợt chào bán này là cổ phần chào bán thêm cho các cổ đông hiện hữu đều không có hạn chế về chuyển nhượng. Như vậy, các cổ đông có thể chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu mới hoặc chuyển nhượng cả cổ phiếu cũ cùng với quyền mua cổ phiếu mới sau khi có thông báo hướng dẫn của HĐQT (phù hợp với quy định của pháp luật về đối tượng được mua cổ phần của ngân hàng thương mại).

12. Các loại thuế có liên quan

Hiện tại, VPBank đang tiến hành thực hiện nghĩa vụ thuế thu nhập Doanh nghiệp theo Quy định tại Luật thuế Thu nhập Doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 03 tháng 06 năm 2008 và các văn bản có liên quan. Thuế suất được áp dụng là 25%.

13. Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phần

Cổ đông đăng ký mua cổ phần phát hành thêm của VPBank nộp tiền vào tài khoản mở tại một Ngân hàng thương mại khác trong thời hạn được thông báo và số tài khoản cụ thể sẽ ghi trong thông báo gửi cổ đông.

Chủ tài khoản: Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng

Số tài khoản: 1001125954

Tại: Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội – Hội sở chính

VI. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

Trong xu thế phát triển chung của nền kinh tế, việc tăng vốn điều lệ, mở rộng hướng kinh doanh để hoạt động và phát triển bền vững là nhu cầu tất yếu của mỗi Ngân hàng, VPBank cũng cần một nền tảng vốn tự có để nâng cao khả năng đầu tư vào tài sản, phát triển hệ thống thông tin, đặc biệt là nâng cao khả năng chống đỡ các rủi ro, nâng hệ số an toàn vốn CAR (Capital Adequacy Ratio) và đáp ứng nhu cầu vốn cho hoạt động kinh doanh của Ngân hàng. Tăng vốn điều lệ là tăng năng lực hoạt động, là điều kiện bổ sung vốn hoạt động tốt nhất cho VPBank.

Việc tăng vốn cũng tạo điều kiện thuận lợi cho VPBank trong một số lĩnh vực như:

- ✓ Mở rộng mạng lưới chi nhánh;
- ✓ Đầu tư kỹ thuật, công nghệ thông tin;
- ✓ Cải thiện tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn;
- ✓ Nâng cao mức an toàn thanh khoản cho ngân hàng; tăng giới hạn cho vay đối với môt khách hàng...

Với một thương hiệu mới, việc tăng vốn điều lệ sẽ làm VPBank thay đổi toàn diện về mọi mặt, nâng cao hình ảnh cùng vị thế trên thị trường vốn Việt Nam. "Uy tín luôn đi cùng chất lượng" đó là phương châm, là mục đích cuối cùng mà Ngân hàng VPBank luôn hướng tới.

VII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

Nhu cầu vốn cho một số hoạt động của VPBank được thể hiện trong bảng dưới đây

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Mục đích sử dụng	Sử dụng tiền vốn điều lệ tăng thêm
1	Bổ sung nguồn vốn hoạt động	1.730.138
2	Đầu tư nâng cấp công nghệ	140.248
3	Đầu tư mua đất và xây dựng trụ sở	290.473
	Tổng cộng	**2.160.859**

- Trong tổng số vốn điều lệ tăng thêm VPBank dự kiến dành 1.730.138 tỷ để đầu tư vào trái phiếu, chứng từ có giá có khả năng thanh khoản cao, cho vay trung và dài hạn…với tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng khoảng 12 – 15%/năm.
- Đầu tư cho Hệ thống tin học chủ yếu là đầu tư phát triển dịch vụ mới; bảo trì hệ thống, nâng cấp cơ sở hạ tầng; đào tạo, tư vấn; chi phí bản quyền…đều là các chi phí bặt buộc để nâng cao chất lượng công nghệ của ngân hàng, với giá trị đầu tư dự kiến 140,248 tỷ đồng; cụ thể như sau:
    + Chi cho phát triển dịch vụ mới (bao gồm cả phần cứng và phần mềm) Internet Banking, Mobi Banking, Quản trị quan hệ khách hàng (CRM), Contract Center… khoảng 49 tỷ đồng.
    + Chi bảo trì hệ thống, nâng cấp cơ sở hạ tầng như nâng cấp hệ thống T24, Way4, bảo trì T24 hàng năm, mua thêm license …khoảng 77 tỷ đồng.
    + Chi tư đầu tư các thiết bị dịch vụ hạ tầng khác khoảng 14,24816 tỷ đồng.
- Đầu tư vào tài sản chủ yếu là để mua đất và xây dựng trụ sở khoảng 290,473 tỷ đồng. Trong thời gian tới VPBank dự kiến thực hiện những dự án cụ thể như sau:
    + Mua đất và xây dựng Trung tâm dữ liệu (Data Center) theo đúng tiêu chuẩn quy định của NHNN khoảng 58 tỷ đồng;
    + Xây dựng trụ sở chi nhánh Cần Thơ khoảng 14,5 tỷ đồng;
    + Xây dựng trụ sở tại chi nhánh Hải Phòng và Huế khoảng 58 tỷ đồng;
    + Mua đất và xây dựng trụ sở tại một số địa phương khác khoảng 159,97372 tỷ đồng.

** Tiến độ sử dụng vốn điều lệ tăng thêm để đầu tư và bổ sung vốn hoạt động kinh doanh phù hợp theo tiến độ tăng vốn điều lệ và/hoặc theo kết quả đàm phán, tình hình thị trường và tiến độ thực hiện do Hội đồng quản trị xem xét, quyết định.*

CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN

Công ty TNHH KPMG Việt Nam

Số 83 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

ĐT: 043.946.1600 **Fax:** 043.946.1601

Email: kpmghanoi@kpmg.com.vn

Website: www.Kpmg.com.vn

Công ty TNHH Ernst & Young

Tầng 15, Toà nhà 360 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam

ĐT: 043.831.5100 **Fax:** 043.831.5090

Webstie: www.ey.com

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng

Tầng 3+4 tòa nhà 362 Phố Huế, Hai Bà Trưng, Hà Nội

ĐT: 043.974.3655 Fax: 073.974.3656

Website: www.vpbs.com.vn

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG

Hà Nội, ngày tháng năm 2010

CHỦ TỊCH HĐQT	**TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT**
Ngô Chí Dũng	**Nguyễn Quỳnh Anh**
TỔNG GIÁM ĐỐC	**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**
Nguyễn Hưng	**Vũ Minh Quỳnh**

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG (VPBS)

Hà Nội, ngày tháng năm 2010

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Lâm Dũng

PHỤ LỤC

Phụ lục 1: Giấy phép thành lập và đăng ký kinh doanh.

Phụ lục 2: Điều lệ VPBank.

Phụ lục 3: Báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán năm 2008.

Phụ lục 4: Báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán năm 2009.

Phụ lục 5: Báo cáo tài chính quý 3 năm 2010.